

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HOÀNG MAI



HỒ SƠ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN

TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI



Biến cơ hội thành giá trị

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 1&5 toà nhà Đào Duy Anh, Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (04) 35378010

Fax: (04) 35378005

Chi nhánh:

Địa chỉ: 41 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 39151368

Fax: (08) 39151369

Website: www.shs.com.vn

NGHỆ AN, 2009

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HOÀNG MAI

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 2703001834 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp đăng ký lần đầu ngày 01/04/2008)



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Đăng ký niêm yết số: GCN-SGDCKHN do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp ngày tháng năm)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

❖ **Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai**

Địa chỉ : Thị trấn Hoàng Mai, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
Điện thoại : (0383) 866170
Fax: : (0383) 866648
Email : sale@ximanghoangmai.vn
Website : www.ximanghoangmai.vn

❖ **Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội**

- Trụ sở chính : Tầng 1&5 Tòa nhà Đào Duy Anh, Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại : (04) 35378010 Fax: (04) 35378005
- Chi nhánh : 41 Pasteur, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 39151368 Fax: (08) 39151369

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

- Họ tên : Ông Nguyễn Quốc Việt Chức vụ: Kế toán trưởng
- Điện thoại : (0383) 3866170 Fax : (0383) 3866648

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HOÀNG MAI

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 2703001834 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp đăng ký lần đầu ngày 01/04/2008)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đồng
Tổng số lượng niêm yết	: 72.000.000 cổ phần
Tổng giá trị niêm yết	: 720.000.000.000 đồng (theo mệnh giá)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ

Địa chỉ: P.2003, Nhà 34T Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (04) 32210 304 Fax: (04) 32210 305

Website: www.anphugroup.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI



Biên cơ hội thành giá trị

Trụ sở chính:

Địa chỉ: tầng 1&5 toà nhà Đào Duy Anh, Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (04) 35378010 Fax: (04) 35378005

Email: contact@shs.com.vn

Website: www.shs.com.vn

Chi nhánh:

Địa chỉ: 41 Pasteur, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (08) 39151368 Fax: (08) 39151369

MỤC LỤC

1. RỦI RO KINH TẾ.....	6
2. RỦI RO LUẬT PHÁP	7
3. RỦI RO BIẾN ĐỘNG GIÁ NGUYÊN NHIÊN VẬT LIỆU	7
4. RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH.....	8
5. RỦI RO BIẾN ĐỘNG LÃI SUẤT	8
6. RỦI RO KHÁC.....	8
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	9
1. TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	9
2. TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT.....	9
III. CÁC KHÁI NIỆM	10
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	11
1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN.....	11
1.1. Lịch sử hình thành và phát triển.....	11
1.2. Giới thiệu Công ty.....	14
1.2. Giới thiệu Công ty.....	15
1.3. Cơ cấu vốn cổ phần.....	16
2. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ	17
3. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẴM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY TẠI THỜI ĐIỂM 22/6/2009.....	25
4. CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	25
5. DANH SÁCH CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	25
6. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.....	26
6.1. Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty	26

6.2.	Nguyên vật liệu.....	30
6.3.	Chi phí sản xuất.....	31
6.4.	Trình độ công nghệ.....	32
6.5.	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ.....	42
6.6.	Tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới.....	43
6.7.	Hoạt động Marketing.....	44
6.9.	Các hợp đồng lớn.....	47
7.	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM GẦN NHẤT	48
7.1.	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2008 (từ 01/04/2008 đến 31/12/2008) và quý I/2009.....	48
7.2.	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2008.....	49
8.	VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG NGÀNH	50
8.1	Vị thế của Công ty trong ngành.....	50
8.2.	Triển vọng phát triển của ngành.....	51
8.3.	Dự báo thị trường xi măng khu vực.....	52
9.	CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG	53
9.1.	Số lượng người lao động trong Công ty.....	53
9.2.	Chính sách đối với người lao động.....	53
10.	CHÍNH SÁCH CỔ TỨC	55
11.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	55
11.1.	Các chỉ tiêu cơ bản.....	55
11.2.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	61
12.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC.....	62
12.1.	Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.....	62
12.2.	Danh sách thành viên Ban Kiểm soát.....	69
12.3.	Danh sách thành viên Ban Giám đốc, Kế toán trưởng.....	74
13.	TÀI SẢN	75

13.1. Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2008 và 31/3/2009	75
13.2. Tình hình sử dụng đất đai, nhà xưởng.....	75
14. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC TRONG NĂM TIẾP THEO.....	77
15. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC..	78
16. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA CÔNG TY.	78
17. CÁC THÔNG TIN TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY CÓ THỂ GÂY ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN	79
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	79
1. LOẠI CHỨNG KHOÁN.....	79
2. MỆNH GIÁ	79
3. TỔNG SỐ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	79
4. SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HOẶC CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	79
5. XẾP HẠNG TÍN NHIỆM	80
6. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ.....	80
7. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẮM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI	80
8. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN	81
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	82
1. TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT.....	82
2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN.....	82
VII. PHỤ LỤC.....	82
1. PHỤ LỤC I: GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH.....	82
2. PHỤ LỤC II : NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA VIỆC NIÊM YẾT CỔ PHIẾU	82
3. PHỤ LỤC III: SƠ YẾU LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG	83
4. PHỤ LỤC IV : HỢP ĐỒNG NIÊM YẾT.....	83

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. RỦI RO KINH TẾ

Thực trạng nền kinh tế và xu hướng chung trong tương lai có ảnh hưởng đến sự thành công và chiến lược hoạt động của một doanh nghiệp. Khi nền kinh tế ở giai đoạn có tốc độ tăng trưởng cao tạo nhiều cơ hội cho đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp. Ngược lại, khi nền kinh tế sa sút, suy thoái sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực cho các doanh nghiệp.

Kinh tế Việt Nam trong những năm gần đây đạt tốc độ tăng trưởng cao, năm 2003 đạt 7,3%, năm 2004 đạt 7,7%, năm 2005 đạt 8,4%, năm 2006 đạt 8,17%, năm 2007 đạt 8,48% (Nguồn: Tổng cục thống kê). Tuy nhiên năm 2008 là một năm mà khủng hoảng tài chính diễn ra trên phương diện toàn cầu dẫn đến tình trạng suy thoái kinh tế ở nhiều nước trên thế giới trong đó có Việt Nam. Theo dự báo của Quỹ tiền tệ quốc tế (IFM), tốc độ phát triển của nền kinh tế thế giới năm 2009 chỉ đạt 2,2%/năm, trong khi đó theo mục tiêu mà Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam đặt ra cho tốc độ tăng trưởng GDP năm 2009 cũng chỉ là 6,5%. Thực trạng nền kinh tế thế giới dự kiến năm 2009 vẫn chưa thoát khỏi tình trạng khủng hoảng.

Về phía Công ty, trong năm 2008 sự suy thoái của nền kinh tế thế giới cũng như nền kinh tế trong nước đã ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể đó là giá các loại vật tư đầu vào, chi phí vận tải, chi phí lãi vay tăng cao dẫn đến làm tăng chi phí sản xuất và tăng giá thành sản phẩm. Đồng thời việc thực hiện các biện pháp kiểm chế lạm phát của Chính phủ như siết chặt tín dụng, giảm, hoãn các dự án công trình lớn cũng là một trong những nguyên nhân làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, đặc biệt trong những tháng cuối năm 2008.

Trước tình hình đó, trong năm 2009 Chính phủ Việt Nam đã kịp thời đưa ra các gói giải pháp nhằm kịp thời để hạn chế suy giảm, giữ vững tăng trưởng, trong đó chú trọng biện pháp kích cầu. Do đó, mặc dù dự báo năm 2009 tốc độ tăng trưởng nền kinh tế của Việt Nam sẽ giảm nhưng các dự án trọng điểm vẫn được hỗ trợ để tiếp tục xây dựng và đẩy nhanh tiến độ hoàn thành. Do đó, dự báo nhu cầu tiêu thụ xi măng trong giai đoạn tới vẫn tiếp tục được nâng lên.

Tốc độ phát triển của ngành xi măng chịu ảnh hưởng trực tiếp của tốc độ tăng trưởng kinh tế của cả nước. Khi nền kinh tế phát triển nhanh, mạnh sẽ kéo theo sự đẩy mạnh mở rộng đầu tư xây dựng, và ngược lại. Tuy nhiên, Việt Nam là một trong những nước đang trong giai đoạn phát triển, do đó trong thời gian tới nhu cầu đầu tư, xây dựng vẫn sẽ tiếp tục gia tăng, kéo theo nhu cầu về xi măng cũng tăng theo. Vì vậy, cùng với sự phát triển của đất nước, ngành xi măng sẽ là ngành ổn định và ngày càng phát triển.

Trong ngắn hạn, Công ty xác định sẽ chủ động nắm bắt tình hình, linh hoạt trong điều hành, chỉ đạo để đối phó với những ảnh hưởng bất lợi từ khủng hoảng tài chính và suy giảm

kinh tế để giữ vững ổn định sản xuất. Đồng thời, cũng sẽ tận dụng, nắm bắt thời cơ đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm khi những gói giải pháp kích cầu của Chính phủ được đưa vào áp dụng.

2. RỦI RO LUẬT PHÁP

Việt Nam đang trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế vì vậy pháp luật và các chính sách của Việt Nam thường xuyên có những thay đổi để phù hợp với thực tiễn, phù hợp với thông lệ quốc tế. Ngoài các chính sách kinh tế, chính trị, xã hội nói chung ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì Công ty còn chịu sự quản lý, chi phối của Tổng công ty, các hiệp hội, ... Do đó, mỗi sự thay đổi của chính sách, pháp luật của Nhà nước, chính sách của Tổng công ty, .. sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro tới quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Là một công ty đại chúng, Công ty chịu sự chi phối của đồng thời Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán. Khi thực hiện niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thì hoạt động của Công ty sẽ còn chịu sự điều chỉnh của các quy định niêm yết của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, chính sự điều chỉnh này sẽ làm cho hoạt động của Công ty ngày càng minh bạch, nâng cao năng lực quản trị công ty. Tuy nhiên, do thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn là một thị trường khá mới mẻ, tính ổn định chưa cao, do đó các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán có thể sẽ gây lúng túng cho các doanh nghiệp.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng tới việc nghiên cứu nắm bắt các quy định mới của pháp luật từ đó xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh theo đúng chủ trương của Đảng và Nhà nước.

3. RỦI RO BIẾN ĐỘNG GIÁ NGUYÊN NHIÊN VẬT LIỆU

Những vật tư, nguyên liệu đầu vào quan trọng trong ngành sản xuất xi măng bao gồm: Đá vôi, đất sét, than, dầu, clinker, thạch cao, bazan, cước vận tải, ... Trong khi đó, giá cả một số nguyên liệu đầu vào này thường biến động bất thường. Ví dụ, trong 6 tháng đầu năm 2008 vừa qua giá các loại vật tư, nguyên liệu đầu vào tăng đột biến, đặc biệt than tăng bình quân 273.000 đ/tấn; clinker khi đó phải mua với giá 48,5USD/tấn - FOB Thái Lan, tăng 73% so với cuối năm 2007.

Hoàng Mai có thuận lợi lớn do đã chủ động được những nguồn nguyên liệu chính như: đá vôi, đất sét với trữ lượng lớn, chất lượng cao và chi phí khai thác thấp; sản xuất được clinker chất lượng cao. Còn đối với các nguyên liệu cần có sự cung cấp từ bên ngoài: Một mặt, Công ty đã đầu tư phát triển công nghệ hiện đại nhằm nâng cao năng suất, giảm hao phí nguyên nhiên vật liệu, kiểm soát chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tránh lãng phí, thất thoát nguyên nhiên vật liệu; Mặt khác, Công ty luôn chú trọng xây dựng được kênh cung cấp nguyên liệu, tạo mối quan hệ bạn hàng lâu năm nhằm đảm bảo ổn định nguồn nguyên liệu cho sản xuất.

4. RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Đặc tính của ngành là nhạy cảm với chu kỳ kinh doanh của nền kinh tế vĩ mô. Khi nền kinh tế tăng trưởng, doanh số và lợi nhuận của các công ty trong ngành sẽ tăng cao. Sở dĩ như vậy bởi ngành xi măng là đầu vào của các công trình ngành xây dựng khi ngành xây dựng làm ăn phát đạt thì ngành xi măng cũng có cơ hội để tăng trưởng. Ngược lại khi nền kinh tế suy thoái thì các công trình xây dựng sẽ bị trì trệ điều đó ảnh hưởng lớn tới lợi nhuận của công ty nói riêng và ngành nói chung.

Dự báo vài năm tới, hàng loạt các dự án xi măng lớn đang trong quá trình xây dựng gần đến giai đoạn hoàn thành để đi vào sản xuất kinh doanh (hiện đang triển khai đầu tư xây dựng 31 dự án xi măng lò quay, tổng công suất thiết kế khoảng hơn 30 triệu tấn/năm), lượng xi măng cung cấp cho thị trường trong những năm tới sẽ tăng đột biến, nhu cầu xây dựng có tăng nhưng vẫn chậm hơn so với tốc độ phát triển của ngành xi măng. Do đó, tình hình cạnh tranh sẽ diễn ra gay gắt nhất là khi Việt Nam đã là thành viên của các tổ chức thương mại thế giới và khu vực nên việc tuân thủ khung thuế nhập khẩu xi măng từ 0%-5% khiến Công ty phải đối mặt với sự cạnh tranh về giá của xi măng nhập khẩu. Để có thể tồn tại và phát triển bền vững, Công ty cần có kế hoạch để giữ được các thị trường hiện tại và mở rộng các thị trường mới trong tương lai.

Bên cạnh nỗi lo về sự cạnh tranh giá giữa xi măng trong nước và hàng nhập khẩu từ các nước khác, Công ty còn phải đối mặt với khả năng bị thiếu hụt nguồn cung cấp than do việc tập trung khai thác than phục vụ cho xuất khẩu và nhiều mục đích tiêu dùng trong nước nhất là phục vụ sản xuất nhiệt điện đã dẫn đến sự cạn kiệt dần của nguồn cung tài nguyên thiên nhiên này. Cùng với nó là sự tăng giá nhập khẩu các nguyên liệu thạch cao, clinker cũng như cước phí vận chuyển sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

5. RỦI RO BIẾN ĐỘNG LÃI SUẤT

Nợ phải trả hiện nay chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn của Công ty dẫn đến chi phí lãi vay hàng năm cao. Tình hình biến động lãi suất trong các năm gần đây cho thấy lãi suất ngân hàng tiếp tục tăng mặc dù đã có sự kiểm soát, điều chỉnh của Ngân hàng Nhà nước. Lãi suất cao dẫn đến tăng chi phí hoạt động tài chính, giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện nay Công ty đang tìm cách giảm thiểu rủi ro này thông qua các biện pháp như: kiểm soát chặt chẽ công nợ phải thu, tối ưu hoá việc sử dụng vốn, tăng vòng quay đồng tiền, ưu tiên thanh toán nợ trước hạn đối với các khoản vay dài hạn có nguồn gốc ngoại tệ. .v.v...

6. RỦI RO KHÁC

Hoạt động của Công ty cũng chịu ảnh hưởng của các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hoả hoạn, dịch bệnh, bão lớn .v.v... Đây là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty đã tiến hành tham gia mua bảo hiểm cho tài sản mà Công ty đang khai thác, sử dụng.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Ông **TẠ QUANG BỬU** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai

Ông **NGUYỄN HỮU QUANG** Chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai

Ông **NGUYỄN QUỐC VIỆT** Chức vụ: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai

Bà **NGUYỄN THỊ HUỆ** Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp, đúng với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT

Ông **NGUYỄN THẾ MINH** Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội tư vấn soạn thảo trên cơ sở Hợp đồng tư vấn niêm yết với Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn các số liệu, ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản cáo bạch:

<i>Công ty</i>	:	<i>Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai</i>
<i>Tổng Công ty</i>	:	<i>Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam</i>
<i>CBCNV</i>	:	<i>Cán bộ công nhân viên</i>
<i>Xi măng Hoàng Mai</i>	:	<i>Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai</i>
<i>Tổ chức đăng ký niêm yết</i>	:	<i>Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai</i>
<i>Người có liên quan</i>	:	<i>Gồm những đối tượng được quy định tại Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11</i>
<i>Công ty CP</i>	:	<i>Công ty cổ phần</i>
<i>HĐQT</i>	:	<i>Hội đồng quản trị</i>
<i>BGD</i>	:	<i>Ban Giám đốc</i>
<i>BKS</i>	:	<i>Ban kiểm soát</i>
<i>KTT</i>	:	<i>Kế toán trưởng</i>
<i>VLXD</i>	:	<i>Vật liệu xây dựng</i>
<i>XD</i>	:	<i>Xây dựng</i>
<i>KD</i>	:	<i>Kinh doanh</i>

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty Xi măng Hoàng Mai tiền thân là Công ty Xi măng Nghệ An (trực thuộc UBND Tỉnh Nghệ An) được thành lập theo Quyết định số 2629/QĐ.UB ngày 07/10/1995 của UBND Tỉnh Nghệ An. Công ty được thành lập để làm chủ đầu tư Dự án xi măng Hoàng Mai được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 216/QĐ-TTg ngày 15/4/1996. Đây là Dự án xi măng có công suất 1,4 triệu tấn xi măng/năm với tổng mức đầu tư 238 triệu USD từ nguồn vốn vay trong và ngoài nước, là dự án lớn lần đầu tiên tại Việt Nam được Chính phủ cho phép thí điểm thực hiện tự vay vốn đầu tư và chịu trách nhiệm trả nợ.

Ngày 09/06/1999, Dự án xi măng Hoàng Mai đã tiến hành khởi công đồng loạt các hạng mục công trình chính thuộc dây chuyền sản xuất và sau 32 tháng khởi công xây dựng, ngày 6/3/2002 Nhà máy đã cho ra lò những tấn clinker đầu tiên đạt chất lượng tốt. Xi măng Hoàng Mai là một trong số ít các nhà máy xi măng tại Việt Nam mà quá trình sản xuất ngay từ đầu đã cho ra lò những tấn clinker tốt nhất, không có phế liệu trong quá trình hiệu chỉnh, nghiệm thu chạy thử nhà máy.

Ngày 30/12/2000, UBND Tỉnh Nghệ An và Tổng Công ty Xi măng Việt Nam đã ký Biên bản bàn giao Công ty Xi măng Hoàng Mai thuộc UBND Tỉnh Nghệ An trở thành thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam.

Từ ngày 01/07/2002, sau quá trình sản xuất thử, Công ty Xi măng Hoàng Mai chính thức chuyển sang giai đoạn sản xuất kinh doanh góp phần cùng Tổng Công ty Xi măng Việt Nam hoàn thành các nhiệm vụ kinh tế, chính trị mà Nhà nước giao. Nhà máy Xi măng Hoàng Mai đi vào hoạt động với dây chuyền sản xuất xi măng hiện đại, các thiết bị được cung cấp bởi Tây Âu và khối G7. Nhà máy có lò nung với công suất 4.000 tấn clinker/ngày, đốt 100% bằng than antraxit tiết kiệm nhiên liệu và mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Năm 2004, Công ty Xi măng Hoàng Mai đã được cấp giấy chứng nhận chứng chỉ quản lý chất lượng ISO 9001:2000 và chứng chỉ quản lý môi trường ISO 14001:1999. Đây là nhà máy đầu tiên thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam thực hiện 2 bộ chứng chỉ trên cùng thời gian và sớm nhất sau một thời gian ngắn đi vào sản xuất kinh doanh.

Năm 2006, Công ty Xi măng Hoàng Mai là đơn vị đầu tiên thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam thực hiện việc nâng 10% năng suất lò nung do Công ty LTV (Thái Lan) thực hiện. Dự án đã thành công rực rỡ với chi phí đầu tư chỉ hơn 1 triệu USD nhưng sản lượng sản xuất đã nâng lên 10% - đây là tiền đề để cho các nhà máy xi măng thuộc Tổng Công ty triển khai áp dụng đồng loạt. Sau khi thực hiện đề tài, năng lực sản xuất clinker năm 2006 đã đạt hơn 1,3 triệu tấn clinker so với 1,26 triệu tấn công suất tối đa do FCB thiết kế.

Trước những thành tích trong sản xuất và kinh doanh, trong 5 năm qua Công ty đã được tặng thưởng nhiều bằng khen của các bộ ngành, sản phẩm đạt nhiều huy chương vàng trong

các hội chợ triển lãm, được người tiêu dùng bình chọn hàng Việt Nam chất lượng cao (2005), đạt giải thưởng Sao vàng Đất Việt (năm 2004) và vinh dự được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen về những thành tích đã đạt được nhân kỷ niệm 10 năm ngày thành lập Công ty (07/10/1995-07/10/2005).

Ngày 09/03/2007, Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 367/QĐ-BXD về việc thực hiện cổ phần hóa các công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam (nay là Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam).

Ngày 30/11/2007 Công ty Xi măng Hoàng Mai đã tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Ngày 27/02/2008 Hội đồng quản trị Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ban hành Quyết định số: 219/QĐ-XMVN về việc điều chỉnh phương án cổ phần hoá và chuyển Công ty Xi măng Hoàng Mai thành Công ty cổ phần Xi măng Hoàng Mai.

Ngày 01/04/2008, Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai đã chính thức đi vào hoạt động với số vốn điều lệ 720 tỷ đồng trong đó Vốn nhà nước chiếm tỷ lệ 70,96% tương đương 510,918 tỷ đồng.

MỘT SỐ GIẢI THƯỞNG CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

1. Huy chương Vàng cho sản phẩm tại Hội chợ tiềm năng và hội nhập tỉnh Bình Định 2002 do UBND tỉnh Bình Định cấp ngày 18/01/2002.
2. Huy chương Vàng gian hàng Hội chợ Quốc tế hàng công nghiệp Việt nam 2002 do Thứ trưởng Bộ KH và CN cấp ngày 22/10/2002.
3. Huy chương Vàng Hội chợ quốc tế hàng hoá có nhãn hiệu được bảo hộ năm 2003 do Cục sở hữu công nghiệp cấp ngày 02/5/2003.
4. Huy chương Vàng cho sản phẩm tại HCTL quốc tế VIETBUILD 2003 do Ban tổ chức hội chợ trao tặng.
5. Huy chương Vàng sản phẩm xi măng Poóc lăng hỗn hợp PCB 30 tại Hội chợ quốc tế hàng công nghiệp Việt Nam 2003 do Bộ KH&CN cấp ngày 22/10/2003.
6. Huy chương Vàng cho sản phẩm tại Hội chợ triển lãm ngành xây dựng Việt Nam 2003 do Thứ trưởng Bộ xây dựng cấp ngày 30/4/2003.
7. Huy chương Vàng Hội chợ triển lãm VLXD tại TP Hồ Chí Minh năm 2003 do Trung tâm tin học và Công ty cổ phần hội chợ triển lãm Quốc tế A.F.C cấp ngày 16/9/2003.
8. Huy chương Vàng Hội chợ Quốc tế năm 2004.
9. Huy chương Vàng Hội chợ hàng chất lượng cao Nghệ An lần thứ I năm 2004 do Sở thương mại Nghệ An cấp ngày 08/6/2004.

10. *Cúp Vàng tại Hội chợ hàng chất lượng cao Nghệ an năm 2004 do Sở thương mại Nghệ An cấp ngày 08/6/2004.*
11. *Huy chương vàng Dấu hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao phù hợp tiêu chuẩn và Cúp sen vàng cho sản phẩm xi măng Hoàng Mai được Bộ Công nghiệp trao tặng ngày 22/11/2004.*
12. *Bằng khen Hội chợ hàng hoá được bảo hộ năm 2003 do Cục sở hữu công nghiệp cấp ngày 02/5/2003.*
13. *Bằng khen tại Hội chợ hội nhập kinh tế Quốc tế năm 2004 do Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế cấp ngày 26/8/2004.*
14. *Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt năm 2004 do UBTV Hội các nhà doanh nghiệp trẻ Việt Nam trao tặng.*
15. *Giải thưởng Chất lượng Việt Nam năm 2004 do Bộ KH và CN trao tặng.*
16. *Cúp vàng Thương hiệu ngành xây dựng Việt Nam tại Hội chợ triển lãm VIETBUIL HANOI 2005.*
17. *Huy chương vàng cho sản phẩm xi măng poóclăng hỗn hợp PCB 30, PBC 40 tại Hội chợ triển lãm VIETBUIL HANOI 2005.*
18. *Đạt danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2005 do người tiêu dùng bình chọn do báo Sài Gòn tiếp thị tổ chức.*
19. *Ngày 21/09/2005 được của Thủ tướng Chính phủ trao tặng bằng khen vì đã có nhiều thành tích trong công tác góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.*
20. *Ngày 27/09/2005 được Tổng cục ĐLCL - Bộ Khoa học và Công nghệ trao tặng bằng khen vì đã có nhiều thành tích trong hoạt động quản lý và xúc tiến chất lượng - Thập niên chất lượng 1996 - 2005.*
21. *Ngày 14/10/2005 Công ty xi măng Hoàng Mai là một trong năm doanh nghiệp trên cả nước đã được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen và Bộ Khoa học & Công nghệ trao tặng giải thưởng “Giải vàng chất lượng Việt Nam năm 2005”, trong tổng số 132 doanh nghiệp được tặng giải.*

HÌNH ẢNH CÁC GIẢI THƯỞNG CỦA XI MĂNG HOÀNG MAI



1.2. Giới thiệu Công ty



Trụ sở Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai

Tên Công ty	:	CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HOÀNG MAI
Tên viết tắt	:	HOM
Tên Tiếng Anh	:	HOANG MAI CEMENT JOIN STOCK COMPANY
Biểu tượng của Công ty	:	
Trụ sở	:	Thị trấn Hoàng Mai, Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
Điện thoại	:	(84-38) 3 866 170 – 3 217 443
Fax	:	(84-38) 3 866 648
Email	:	sales@ximanghoangmai.com.vn
Website	:	www.ximanghoangmai.com.vn
Giấy CNĐKKD	:	Số 2703001834 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/04/2008
Vốn điều lệ	:	720.000.000.000 đồng (Bảy trăm hai mươi tỷ đồng)

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 4 năm 2008 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất, kinh doanh xi măng và clinker;
- Mua bán xi măng, clinker, thiết bị, phụ tùng, vật tư công nghiệp;
- Khai thác, chế biến khoáng sản;
- Sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng;
- Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Kinh doanh vận tải đường bộ, đường sông, đường biển, phà sông biển;
- Kinh doanh đầu tư bất động sản;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch, thể thao.



Toàn cảnh Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai

1.3. Cơ cấu vốn cổ phần

Tính đến ngày 22/6/2009, cơ cấu vốn cổ phần của Công ty như sau:

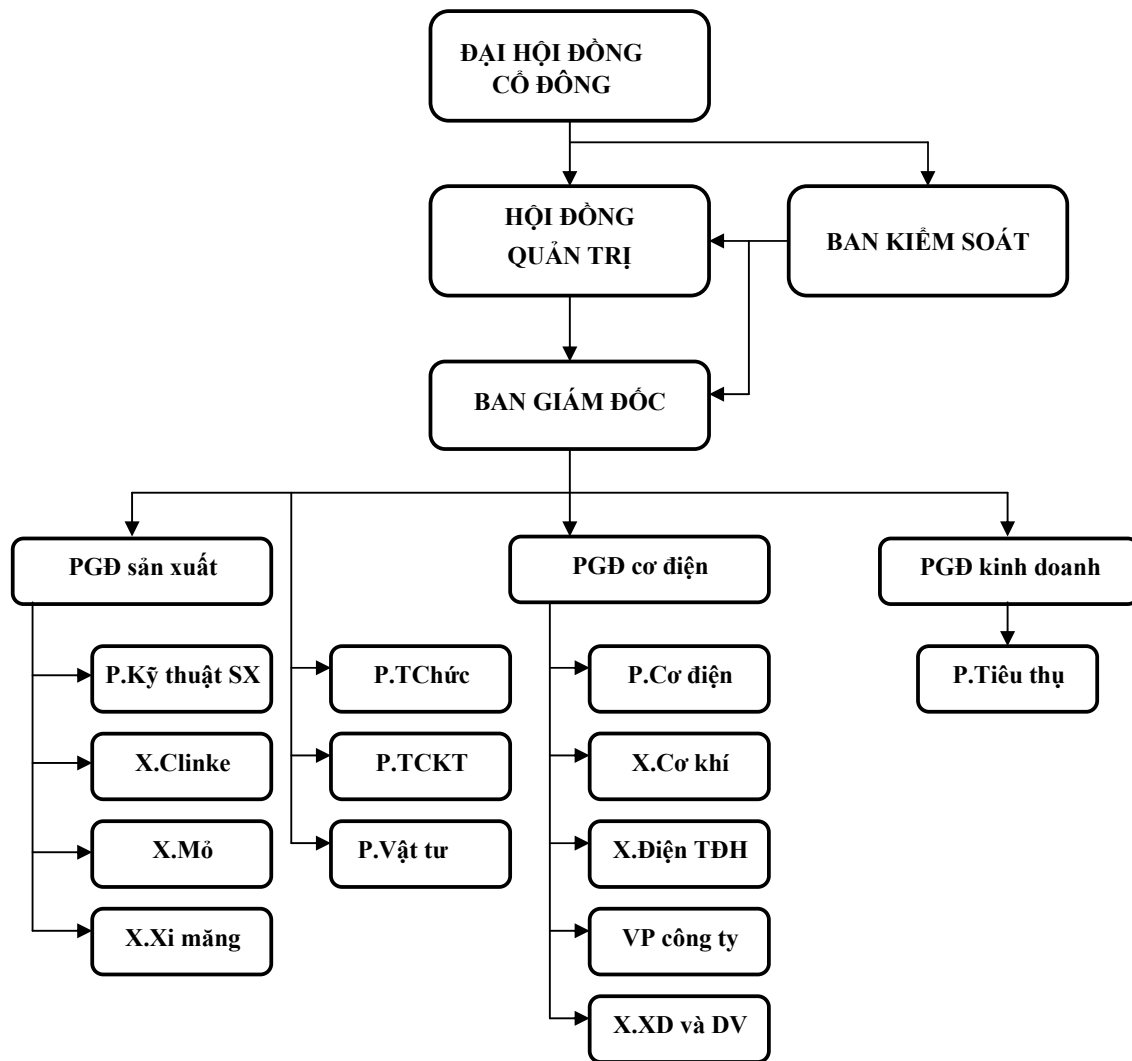
ST T	Cổ đông	Số lượng cổ đồng (người)	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
I.	Cổ đông trong nước	1.703	69.696.287	696.962.870.000	96,80%
	Tổ chức	26	60.966.225	609.662.250.000	84,67%
	Cổ đông nội bộ (HĐQT, BKS, BGD, KTT)	11	303.900	3.039.000.000	0,42%
	Cán bộ công nhân viên	867	1.602.397	16.023.970.000	2,23%
	Cổ đông khác	799	6.823.765	68.237.650.000	9,48%
II	Cổ đông nước ngoài	8	2.303.713	23.037.130.000	3,20%
	Tổ chức	5	2.282.713	22.827.130.000	3,17%
	Cá nhân	3	21.000	210.000.000	0,03%
	Tổng cộng	1.711	72.000.000	720.000.000.000	100%

Nguồn: Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai

2. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ

Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp năm 2005, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty.

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CỦA XI MĂNG HOÀNG MAI



❖ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua các Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty,....

❖ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty gồm có bảy (07) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty. Hội đồng quản trị đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty gồm:

- Ông Tạ Quang Bửu	Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Hữu Quang	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Đặng Tăng Cường	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Công Hoà	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Hoàng Xuân Vịnh	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Quốc Việt	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Phạm Hoàn Sơn	Ủy viên Hội đồng quản trị

❖ Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát của Công ty gồm năm (05) thành viên, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

Các thành viên của Ban Kiểm soát gồm:

- Bà Nguyễn Thị Huệ	Trưởng ban kiểm soát
- Ông Nguyễn Huy Vinh	Ủy viên ban kiểm soát
- Ông Lê Văn Chiên	Ủy viên ban kiểm soát
- Ông Thái Huy Chương	Ủy viên ban kiểm soát
- Ông Nguyễn Quang Điền	Ủy viên ban kiểm soát

❖ Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty gồm Giám đốc và 03 Phó Giám đốc. Giám đốc được Hội đồng quản trị ủy quyền, là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Giám đốc được phân công phụ trách các mảng khác nhau, gồm: Phó Giám đốc phụ trách sản xuất; Phó Giám đốc phụ trách cơ điện và Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh.

Thành viên của Ban Giám đốc Công ty gồm:

- Ông Nguyễn Hữu Quang	Giám đốc
- Ông Đặng Tăng Cường	Phó giám đốc
- Ông Hoàng Xuân Vịnh	Phó giám đốc
- Ông Nguyễn Công Hoà	Phó giám đốc

❖ Các phòng ban chức năng

Công ty hiện có các phòng ban chức năng sau:

1) Phòng Tiêu thụ

+ Phòng Tiêu thụ của Công ty chuyên thực hiện các công tác liên quan đến tiêu thụ, bán sản phẩm do Công ty sản xuất.

+ Phòng Tiêu thụ là đơn vị tham mưu có trách nhiệm chính trong việc giúp Giám đốc Công ty hoạch định chính sách tiêu thụ, tổ chức bán hàng tại nhà máy và cung ứng cho các nhà phân phối.

+ Phòng Tiêu thụ có trách nhiệm chỉ đạo về mặt nghiệp vụ đối với các nhà phân phối, các đại diện tiêu thụ và chịu sự chỉ đạo về nghiệp vụ của phòng Thị trường Tổng công ty.

+ Tiếp thị thu nhận xử lý thông tin, dự báo khả năng và năng lực thị trường qua từng thời gian kế hoạch nhằm quản lý, tiêu thụ sản phẩm đạt hiệu quả cao nhất và mở rộng thị phần tiêu thụ cho Xi măng Hoàng Mai.

2) Phòng Kế toán Tài chính

Giúp giám đốc Công ty tổ chức thực hiện công tác hạch toán kế toán trong toàn Công ty theo quy định của Nhà nước và Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (chức năng tổ chức hạch toán kế toán).

Tham mưu cho Giám đốc Công ty trong công tác quản lý tài chính, đảm bảo việc bảo toàn và phát triển vốn tại đơn vị, thực hiện việc đảm bảo nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cân đối chi phí và nguồn thu để đảm bảo khả năng trả nợ các khoản vay trong và ngoài nước.

Kiểm soát, kiểm tra, giám sát quá trình phân phối sử dụng vốn, tài sản đảm bảo đúng chế độ quản lý hiện hành của nhà nước và của Tổng Công ty (chức năng tài chính); giúp Giám đốc chỉ đạo sản xuất kinh doanh kịp thời và có hiệu quả kinh tế cao.

3) Phòng Tổ chức

Là phòng nghiệp vụ, có trách nhiệm tham mưu cho Giám đốc về công tác tổ chức quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh, tổ chức lao động tiền lương, tiền thưởng, định mức lao động và các chế độ chính sách khác. Thực hiện công tác hợp đồng lao động, đào tạo, bồi dưỡng, thi đua khen thưởng, thanh tra pháp chế bảo vệ bí mật nội bộ.

Hợp đồng lao động, sắp xếp, đào tạo bồi dưỡng thi nâng ngạch, nâng bậc cho đội ngũ CBCNV có đủ trình độ kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ, quản lý đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Thực hiện nghiêm chỉnh chế độ báo cáo thống kê về số lượng, chất lượng lao động, thu nhập, tiền lương, tiền thưởng... theo định kỳ của cấp trên quy định.

Quản lý đội ngũ cán bộ, công nhân viên về phẩm chất, chính trị, tư tưởng, đạo đức, năng lực công tác, quản lý chặt chẽ và bổ sung hồ sơ lý lịch, nhận xét cán bộ nhân viên hàng năm theo quy chế và báo cáo kịp thời cho các cấp quản lý.

Điều động chuyển chuyển cán bộ trong Công ty phù hợp định biên, trình độ kỹ thuật chuyên môn nghiệp vụ và năng lực của mỗi người. Trên cơ sở quy hoạch cán bộ, nghiên cứu chuẩn bị và làm các thủ tục bổ nhiệm cán bộ thông qua Đảng ủy và trình lãnh đạo, Giám đốc quyết định.

Xây dựng các tiêu chuẩn định mức lao động, định mức công việc có khoa học, trình cấp trên để áp dụng. Xây dựng đơn giá tiền lương, hình thức trả lương, phân phối tiền lương cho các đơn vị và toàn công ty.

Làm thủ tục và giải quyết đúng chế độ cho người lao động nghỉ hưu, nghỉ chế độ, chấm dứt hợp đồng lao động, đi nghĩa vụ, tai nạn lao động, ốm đau, bệnh nghề nghiệp...theo đúng quy định của Nhà nước và thoả ước lao động tập thể giữa Giám đốc Công ty và Ban chấp hành công đoàn Công ty (đại diện người lao động).

4) Phòng Vật tư

Có trách nhiệm tham mưu Giám đốc Công ty ký Hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán vật tư, nguyên liệu và sản phẩm của Công ty.

Xây dựng, điều hoà kế hoạch sản xuất kinh doanh; Lập và trình duyệt các kế hoạch định hướng của Công ty.

Theo dõi, lập báo cáo tiêu hao nguyên vật liệu trong sản xuất; theo dõi việc kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm của Công ty; Lập kế hoạch đầu tư, tái đầu tư; theo dõi, tổ chức thực hiện đúng trình tự về công tác đầu tư,...

Thực hiện việc cung ứng, mua sắm vật tư, thiết bị, phụ tùng, nguyên, nhiên liệu đáp ứng kịp thời phục vụ sản xuất và các nhu cầu khác liên quan đến sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhập, cấp phát, bảo quản toàn bộ quản lý các kho vật tư, thiết bị, phụ tùng, nguyên, nhiên liệu phục vụ yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trực tiếp làm việc với các phòng, ban, xưởng trong Công ty và các đơn vị ngoài để giải quyết các công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

5) Văn phòng công ty

Có trách nhiệm quản lý hành chính, văn thư, lưu trữ, tài sản được giao, mua sắm trang thiết bị văn phòng phục vụ công tác hành chính các phòng, ban, xưởng... đúng theo quy định của Nhà nước. Quản lý thông tin tuyên truyền, thi đua, công tác phục vụ hội nghị, hội thảo, khách đến giao dịch, nơi làm việc và phục vụ lãnh đạo Công ty. Quản lý hệ thống mạng LAN, Internet của Công ty.

Quản lý công tác tiếp đón khách đến làm việc và các tài liệu, văn bản liên quan đến Công ty.

Quản lý, tổ chức nhà ăn, phục vụ ăn ca cho cán bộ công nhân viên. Quản lý nhà khách phục vụ nơi ăn nghỉ. Quản lý các khu tập thể, quản lý điện, nước sinh hoạt để phục vụ đời sống của cán bộ công nhân viên.

Quản lý, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám chữa bệnh, cấp cứu ốm đau, tai nạn lao động cho cán bộ công nhân viên theo khả năng chuyên môn và phân cấp của ngành y tế.

Bảo vệ tài sản, giữ gìn an toàn thông tin, an toàn trong địa bàn xây lắp và sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổ chức và thực hiện phương án, biện pháp bảo vệ, tuần tra canh gác. Phát hiện và ngăn ngừa kịp thời những trường hợp xâm phạm hoặc phá hoại tài sản của Công ty.

Quản lý tổ chức công tác An toàn vệ sinh lao động – Phòng chống cháy nổ - Phòng chống bão lụt trong Công ty. Tổ chức xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và công tác quốc phòng toàn dân. Trực tiếp quản lý các phương tiện phòng cháy chữa cháy, xây dựng tổ chức quần chúng thực hiện công tác phòng cháy chữa cháy, huấn luyện.

6) Phòng Kỹ thuật sản xuất

Tham mưu cho Giám đốc quản lý và chỉ đạo chuyên sâu kỹ thuật công nghệ để tổ chức sản xuất Clinker, xi măng từ các nguyên nhiên liệu: Đá vôi, sét, xỉ pi rít, bô xít, silic, thạch cao và các loại phụ gia khác, đảm bảo chất lượng sản phẩm xi măng Hoàng Mai đạt tiêu chuẩn theo các quy định của Nhà nước và tiêu chuẩn quốc tế.

Tham mưu cho Giám đốc trong việc tổ chức, chỉ đạo và vận hành toàn bộ hệ thống thiết bị trong dây chuyền sản xuất của Nhà máy, đảm bảo duy trì các thiết bị hoạt động ổn định và có hiệu quả ngày càng cao.

Tham mưu cho Giám đốc chỉ đạo việc điều độ kế hoạch sản xuất giữa các đơn vị phù hợp với kế hoạch sản xuất của Công ty và có trách nhiệm tổng hợp, lập báo cáo tiến độ sản xuất hàng ngày, tháng, quý cho Công ty.

Trực tiếp điều hành sản xuất thông qua hệ thống điều hành trung tâm đảm bảo sản xuất liên tục không bị gián đoạn.

Trực tiếp kiểm tra và xác định chất lượng nguyên, nhiên liệu, phụ gia, bán thành phẩm từng công đoạn theo quy định của hợp đồng đã ký kết.

Kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm từ giai đoạn cung ứng nguyên vật liệu, sản xuất, lưu kho cho đến khi xuất cho khách hàng, bảo đảm các tiêu chí thể hiện trong mục tiêu chất lượng của Công ty.

Tham mưu cho Giám đốc tổ chức nghiên cứu ứng dụng các đề tài khoa học công nghệ vào thực tế sản xuất tại Công ty nhằm tăng năng suất, chất lượng, giảm giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh trên thị trường.

7) Phòng Cơ điện

Theo dõi, giám sát lắp đặt, chạy thử toàn bộ thiết bị ở dây chuyền sản xuất chính và thiết bị phụ trợ trong toàn nhà máy trong giai đoạn lắp đặt, chạy thử và đưa nhà máy vào sản xuất thử.

Quản lý chuyên sâu kỹ thuật các thiết bị cơ điện, tự động hoá và động lực trong toàn Công ty. Quản lý danh mục chủng loại, số lượng vật tư phụ tùng, thiết bị cần cho dự phòng trong quá trình sửa chữa và sản xuất hàng năm của Công ty.

Tham mưu cho lãnh đạo Công ty về các giải pháp kỹ thuật trong quá trình vận hành, bảo dưỡng, bảo quản nhằm đảm bảo thiết bị cơ điện - động lực trong dây chuyền sản xuất vận hành liên tục, ổn định, đồng bộ và đạt hiệu quả cao nhất.

8) Xưởng Xi măng

Tham mưu cho Giám đốc quản lý, chỉ đạo và tổ chức vận hành hệ thống nghiền, đóng bao xi măng, đảm bảo khai thác công suất thiết bị cao nhất và an toàn. Phối hợp với phòng tiêu thụ để xuất clinker, xi măng theo kế hoạch.

Tham mưu cho lãnh đạo Công ty về quản lý con người, thiết bị, nhà xưởng, tài sản, vật tư, vật liệu, sản phẩm có trong công đoạn nghiền xi măng và đóng bao cũng như sản phẩm đầu vào, đầu ra của xưởng.

Kết hợp với các phân xưởng, phòng, ban liên quan trong Công ty để tổ chức thực hiện công việc bảo dưỡng sửa chữa định kỳ, đúng tiến độ, chất lượng tốt để đảm bảo thiết bị hoạt động luôn tốt, cho năng suất cao, chất lượng tốt, tuổi thọ cao.

9) Xưởng Mỏ

Khai thác và bốc xúc đá vôi, đá sét trong địa bàn quản lý đảm bảo chất lượng và khối lượng theo kế hoạch Công ty giao một cách có hiệu quả nhất.

Quản lý tài nguyên mỏ và hồ sơ lý lịch mỏ (nếu có) được giao; Quản lý chỉ giới và tài nguyên mỏ được giao.

Quản lý tài sản, vật tư, thiết bị máy móc được giao phục vụ khai thác mỏ.

Quản lý, sử dụng các xe vận chuyển đá vôi, đá sét, các phương tiện vận chuyển nội bộ, máy phát dự phòng có hiệu quả và an toàn.

Bảo dưỡng, sửa chữa vừa và lớn tất cả các phương tiện vận tải đá vôi, đá sét, các phương tiện vận tải nội bộ, máy phát dự phòng, thiết bị cầu chuyển, thiết bị động lực và máy khí nén của Công ty.

Xây dựng và thực hiện kế hoạch vận chuyển đá vôi, đá sét từ các mỏ khai thác về các máy đập đảm bảo sản xuất liên tục ổn định theo kế hoạch và vật tư khác của Công ty.

10) Xưởng Điện - Tự động hoá

Tham mưu cho Giám đốc trong công tác quản lý, vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị thuộc hệ thống khu cấp điện, trạm điện, thiết bị điện trong dây chuyền sản xuất của Nhà máy. Quản lý, vận hành sửa chữa hệ thống PLC, điện lạnh.

Đảm bảo vận hành an toàn các thiết bị cung cấp điện của Công ty, cung cấp nguồn điện cho các thiết bị Công nghệ, phục vụ sinh hoạt liên tục, ổn định.

Thường xuyên theo dõi, kiểm tra hệ thống điện lưới, thiết bị điện trước và sau sửa chữa, trong quá trình vận hành, tổ chức thực hiện nghiêm ngặt các quy trình, quy định và các quy phạm về an toàn điện.

Kiểm tra thí nghiệm định kỳ và đột xuất các thiết bị: Máy biến thế các dụng cụ đo lường tự động, đầu biến thếđảm bảo chính xác tin cậy và hợp pháp.

Thường xuyên thông báo cho các Phòng, Ban chức năng các thông số cần thiết về công suất, tình trạng lưới điện, các số liệu thống kê sự cố trong sản xuất và đề ra các biện pháp khắc phục, ngăn ngừa có hiệu quả, nhằm phối hợp sản xuất liên tục ổn định.

Mở sổ theo dõi, ghi chép chi tiết và thường xuyên quá trình hoạt động, bảo dưỡng thay thế vật tư phụ tùng cho mỗi thiết bị điện.

Tổ chức quản lý tốt các định mức tiêu hao vật tư kỹ thuật ở tất cả các khâu đảm bảo các thiết bị hoạt động có hiệu quả kinh tế cao.

11) Xưởng Clinker:

Quản lý và sử dụng có hiệu quả thiết bị, vật tư, tài sản và nhân lực được giao.

Phối hợp với Phòng Kỹ thuật sản xuất vận hành an toàn, đồng bộ các thiết bị trong dây chuyền và theo dõi hoạt động các thiết bị thuộc xưởng nhằm quản lý an toàn, đồng bộ, đảm bảo hoàn thành kế hoạch Công ty giao về năng suất, chất lượng Clinker.

Căn cứ vào định mức tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu, vật tư, phụ tùng và tình trạng thực tế của thiết bị tham gia cùng với các phòng, ban chức năng lập kế hoạch ngân sách, dự trù vật tư, phụ tùng thay thế hàng tháng, quý, năm và cho từng chu kỳ sửa chữa cụ thể.

12) Xưởng Xây dựng và dịch vụ:

Xưởng Xây dựng và Dịch vụ là đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai, có chức năng:

- + Quản lý và sử dụng có hiệu quả vật tư, thiết bị, tài sản và nguồn nhân lực
- + Tổ chức thực hiện công tác sửa chữa lớn phần công nghệ bao gồm: xây, vữa gạch chịu lửa, đồ bê tông chịu nhiệt lò nung, caciner, nguội clinker và các thiết bị khác.
- + Sửa chữa các công trình kiến trúc bao gồm cả phần điện nước, xây dựng mới các công trình kiến trúc vừa và nhỏ trong và ngoài Công ty.
- + Chăm sóc cây cảnh và vệ sinh công nghiệp.
- + Tham gia phục vụ sản xuất theo yêu cầu của Công ty.

Phương án đầu tư mở rộng sản xuất:

- + Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng (gạch, ngói không nung, đá xây dựng, bê tông thương phẩm).
- + Đầu tư xây dựng xưởng sản xuất vỏ bao xi măng.
- + Đầu tư trạm đập đá sét cứng cung cấp nguyên liệu cho sản xuất xi măng.
- + Đầu tư, kinh doanh khoáng sản, phụ gia xi măng.
- + Đầu tư phương tiện vận tải đường bộ, đường thủy phục vụ vận tải trong và ngoài nhà máy.
- + Cải tạo nâng cấp văn phòng đại diện tại Vinh thành nhà khách để kinh doanh.

13) Xưởng Cơ khí:

Thực hiện công việc sửa chữa, thay thế, lắp đặt hiệu chỉnh thiết bị cơ khí. Gia công chế tạo, phục hồi các thiết bị cơ khí trên hệ thống công nghệ của Nhà máy.

Tham gia công tác quản lý kỹ thuật vận hành, kỹ thuật bảo dưỡng sửa chữa, đảm bảo tiến độ và an toàn trên hệ thống công nghệ. Quản lý lao động, trang thiết bị được giao.

Tổ chức thực hiện việc gia công các thiết bị trong khả năng phân xưởng có thể thực hiện được, phục hồi sửa chữa các thiết bị có điều kiện phục hồi nhằm đảm bảo tính hiệu quả kinh tế cho Nhà máy.

Căn cứ vào định tiêu hao vật tư, nguyên, nhiên liệu, cho gia công chế tạo, phụ tùng thay thế cho sửa chữa lập kế hoạch dự trữ vật tư, nguyên, nhiên liệu phụ tùng theo tháng, quý, năm để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Xây dựng kế hoạch và chịu trách nhiệm thực hiện kế hoạch sửa chữa, thay thế, hiệu chỉnh các thiết bị, đảm bảo sản xuất thường xuyên liên tục và có hiệu quả. Không để các trường hợp sự cố xảy ra trong quá trình sản xuất.

3. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẪM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY TẠI THỜI ĐIỂM 22/6/2009

Tính đến thời điểm ngày 22/6/2009, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty:

STT	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu
	Đại diện phần vốn Nhà nước (Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam)	51.091.800	510.918.000.000	70.96%
1.	Ông Tạ Quang Bửu	16.891.800	168.918.000.000	23,46%
2.	Ông Nguyễn Hữu Quang	14.400.000	144.000.000.000	20,00%
3.	Ông Đặng Tăng Cường	3.960.000	39.600.000.000	5,50%
4.	Ông Hoàng Xuân Vịnh	3.960.000	39.600.000.000	5,50%
5.	Ông Nguyễn Công Hoà	3.960.000	39.600.000.000	5.50%
6.	Ông Nguyễn Quốc Việt	3.960.000	39.600.000.000	5.50%
7.	Bà Nguyễn Thị Huệ	3.960.000	39.600.000.000	5,50%
	Tổng cộng	51.091.800	510.918.000.000	70.96%

Nguồn: Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai

4. CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001834 đăng ký lần đầu ngày 01/4/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai không đăng ký cổ đông sáng lập.

5. DANH SÁCH CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

5.1. Danh sách các Công ty nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai

Cổ đông Nhà nước là Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (sở hữu 70,96 % cổ phần của Công ty) nắm quyền kiểm soát Công ty.

5.2. Danh sách các Công ty mà Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối

Không có.

6. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1. Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty

Mặc dù sản phẩm xi măng Hoàng Mai mới vào thị trường hơn 5 năm nhưng đã tạo được uy tín trên thương trường, là sản phẩm được người tiêu dùng bình chọn là hàng Việt Nam chất lượng cao và đã được nhận giải thưởng Sao vàng Đất Việt năm 2004. Năm 2005, Công ty Xi măng Hoàng Mai vinh dự được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen về thành tích hoạt động nhân kỷ niệm 10 năm ngày thành lập Công ty.

Hiện nay, Công ty đang sản xuất các sản phẩm xi măng PCB30, PCB40, PC40, PC50, Clinker, xi măng thương phẩm CPC 40, CPC 50, và các loại xi măng đặc biệt khác theo đơn đặt hàng luôn có hệ số dư mức cao. Các sản phẩm này Công ty đã công bố sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn và chất lượng hàng hoá xi măng PCB40 TCVN 6260:1997, xi măng PC40 TCVN 2681:1999.

Định hướng của Công ty trong thời gian tới, Công ty sẽ sản xuất đại trà chủng loại xi măng PCB40, PC40, PC50 nhằm đáp ứng nhu cầu khắt khe về chất lượng của các công trình trọng điểm quốc gia. Ưu điểm của các loại sản phẩm này là đáp ứng được cho xây dựng mọi công trình như: nhà dân dụng, nhà cao tầng, cầu đường, xây dựng thủy điện, ... với giá thành sản phẩm thấp, chống xâm thực trong các môi trường, độ bền cao, có hệ số dư mức cao, độ dẻo lớn, phù hợp với khí hậu Việt Nam.

SẢN LƯỢNG SẢN PHẨM QUA CÁC NĂM

Loại sản phẩm	Thực hiện Quý I/2008 (Tấn)	Thực hiện cả năm 2008 (Tấn)	Kế hoạch năm 2008 (Tấn)	% +/- thực hiện so với kế hoạch năm 2008 (Tấn)	Thực hiện quý I/2009 (Tấn)
Xi măng PCB 30	73.053,97	81.639,47	61.500,00	132,75%	1.112,00
<i>XM Bao PCB30</i>	<i>71.872,00</i>	<i>80.457,50</i>	<i>60.000,00</i>	<i>134,10%</i>	<i>1.112,00</i>
<i>XM Rời PCB30</i>	<i>1.181,97</i>	<i>1.181,97</i>	<i>1.500,00</i>	<i>78,80%</i>	
Xi măng PCB 40	219.901,83	1.116.116,63	1.417.000,00	78,77%	272.303,66
<i>XM Bao PCB 40</i>	<i>214.681,34</i>	<i>1.030.333,69</i>	<i>1.302.000,00</i>	<i>79,13%</i>	<i>262.443,75</i>
<i>XM Rời PCB40 + Clinker bột</i>	<i>5.220,49</i>	<i>85.782,94</i>	<i>115.000,00</i>	<i>74,59%</i>	<i>9.859,91</i>
Xi măng PC 40	18.239,20	47.447,66	71.500,00	66,36%	19.658,04
<i>XM Bao PC40</i>	<i>8.330,45</i>	<i>29.097,15</i>	<i>53.000,00</i>	<i>54,90%</i>	<i>8.553,10</i>
<i>XM Rời PC40 + OPC bột</i>	<i>9.908,75</i>	<i>18.350,51</i>	<i>18.500,00</i>	<i>99,19%</i>	<i>11.104,94</i>
Clinker	28.684,46	142.544,22	0		60.576,91
Li xăng	3.884,00	3.884,00	0,00		0,00
XM Bao PCB30 LXHT	2.900,00	2.900,00	0		0
XM Bao PCB40 LXHT	984	984	0		0
Tổng cộng:	343.763,46	1.391.631,98	1.550.000,00		353.650,61

Nguồn: Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai



TỶ TRỌNG DOANH THU THUẦN CỦA TỪNG LOẠI SẢN PHẨM

Loại sản phẩm	Thực hiện giai đoạn 01/01/2008 – 31/3/2008		Thực hiện giai đoạn 01/4/2008 – 31/12/2008		Kế hoạch năm 2008		Thực hiện quý I/2009	
	Giá trị (VND)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VND)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VND)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VND)	Tỷ trọng (%)
Xi măng PCB 30	55.959.586.356	21,80%	7.206.675.925	0,87%	46.585.454.545	3,97%	1.066.963.631	0,39%
<i>XM Bao PCB30</i>	<i>55.228.913.992</i>	<i>21,52%</i>	<i>7.206.675.925</i>	<i>0,87%</i>	<i>45.658.181.818</i>	<i>3,89%</i>	<i>1.066.963.631</i>	<i>0,39%</i>
<i>XM Rời PCB30</i>	<i>730.672.364</i>	<i>0,28%</i>	<i>0</i>	<i>0,00%</i>	<i>927.272.727</i>	<i>0,08%</i>		<i>0,00%</i>
Xi măng PCB 40	162.779.928.815	63,41%	668.974.979.758	80,56%	1.071.343.181.818	91,19%	214.409.250.352	78,95%
<i>XM Bao PCB 40</i>	<i>159.205.261.903</i>	<i>62,02%</i>	<i>614.210.961.744</i>	<i>73,96%</i>	<i>991.103.636.364</i>	<i>84,36%</i>	<i>205.102.183.352</i>	<i>75,52%</i>
<i>XM Rời PCB40 + Clinker bột</i>	<i>3.574.666.912</i>	<i>1,39%</i>	<i>54.764.018.014</i>	<i>6,59%</i>	<i>80.239.545.455</i>	<i>6,83%</i>	<i>9307067000</i>	<i>3,43%</i>
Xi măng PC 40	17.741.798.116	6,91%	19.692.275.905	2,37%	56.880.000.000	4,84%	13.807.571.047	5,08%
<i>XM Bao PC40</i>	<i>6.865.094.986</i>	<i>2,67%</i>	<i>16.709.939.519</i>	<i>2,01%</i>	<i>42.394.090.909</i>	<i>3,61%</i>	<i>7463183391</i>	<i>2,75%</i>
<i>XM Rời PC40 + OPC bột</i>	<i>10.876.703.130</i>	<i>4,24%</i>	<i>2.982.336.386</i>	<i>0,36%</i>	<i>14.485.909.091</i>	<i>1,23%</i>	<i>6344387656</i>	<i>2,34%</i>
Clinker	12.877.151.474	5,02%	68.029.027.276	8,19%	0	0,00%	30.990.246.434	11,41%
Li xăng	2.383.836.350	0,93%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
<i>XM Bao PCB30 LXHT</i>	<i>1.753.181.805</i>	<i>0,68%</i>	<i>0</i>	<i>0,00%</i>	<i>0</i>	<i>0,00%</i>	<i>0</i>	<i>0,00%</i>
<i>XM Bao PCB40 LXHT</i>	<i>630.654.545</i>	<i>0,25%</i>	<i>0</i>	<i>0,00%</i>	<i>0</i>	<i>0,00%</i>	<i>0</i>	<i>0,00%</i>
Khác	4.950.657.519	1,93%	66.526.267.664	8,01%			11298061184	4,16%
Tổng cộng	256.692.958.630	100%	830.429.226.528	100,00%	1.174.808.636.364	100,00%	271.572.092.648	100,00%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai)

Ghi chú: Công ty Xi măng Hoàng Mai chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 01/4/2008.

TỶ TRỌNG LỢI NHUẬN GỘP CỦA TỪNG LOẠI SẢN PHẨM

Loại sản phẩm	Thực hiện giai đoạn 01/01/2008 – 31/3/2008		Thực hiện giai đoạn 01/4/2008 – 31/12/2008		Kế hoạch năm 2008		Thực hiện quý I/2009	
	Giá trị (VND)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VND)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VND)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VND)	Tỷ trọng (%)
Xi măng PCB 30	49.343.486.929	78,33%	2.875.545.840	1,14%	-1.760.027.899	-1,26%	203.348.842	0,26%
<i>XM Bao PCB30</i>	48.818.206.966	77,50%	2.858.284.224	1,13%	-1.812.631.035	-1,30%	203.348.842	0,26%
<i>XM Rời PCB30</i>	525.279.963	0,83%	17.261.616	0,01%	52.603.136	0,04%		0,00%
Xi măng PCB 40	-10.970.734.513	-17,42%	194.395.229.996	76,92%	133.500.700.368	95,85%	66.990.652.303	85,45%
<i>XM Bao PCB 40</i>	-10.876.387.272	-17,27%	178.419.138.579	70,60%	121.067.031.612	86,93%	63.408.507.074	80,88%
<i>XM Rời PCB40 + Clinker bột</i>	-94.347.241	-0,15%	15.976.091.417	6,32%	12.433.668.756	8,93%	3.582.145.229	4,57%
Xi măng PC 40	24.122.915.995	38,29%	19.452.128.689	7,70%	7.534.930.352	5,41%	6.120.168.143	7,81%
<i>XM Bao PC40</i>	9.544.000.946	15,15%	5.318.545.358	2,10%	4.736.203.545	3,40%	2.660.171.655	3,39%
<i>XM Rời PC40 + OPC bột</i>	14.578.915.049	23,14%	14.133.583.331	5,59%	2.798.726.807	2,01%	3.459.996.488	4,41%
Clinker	3.727.084.032	5,92%	36.003.164.927	14,25%			5.086.449.808	6,49%
Li xăng	-3.230.292.731	-5,13%						
<i>XM Bao PCB30 LXHT</i>	-2.459.291.539	-3,90%						
<i>XM Bao PCB40 LXHT</i>	-771.001.192	-1,22%						
Tổng cộng	62.992.459.712	100,00%	252.726.069.452	100,00%	139.275.602.821	100,00%	78.400.619.096	100,00%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai)

Ghi chú:

- Kế hoạch lợi nhuận năm 2008 của sản phẩm xi măng PCB 30 âm do theo kế hoạch đến tháng 2 năm 2008 sẽ không sản xuất loại sản phẩm xi măng này. Trong khi Công ty vẫn phân bổ khấu hao và các loại chi phí khác vào sản phẩm này.
- Công ty Xi măng Hoàng Mai chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 01/4/2008.

6.2. Nguyên vật liệu

a. Nguồn cung ứng nguyên vật liệu

Hoàng Mai là vùng đất nằm giáp ranh giữa Nam Thanh - Bắc Nghệ trên trục giao thông chính Bắc – Nam thuận lợi về giao thông Sắt - Thủy - Bộ. Điều kiện tự nhiên được thiên nhiên ban tặng với mỏ đá vôi, đất sét,... phong phú với trữ lượng lớn phân bố trên diện tích không rộng cho phép phát triển ngành công nghiệp xi măng và vật liệu xây dựng. Theo đánh giá của các cơ quan chuyên ngành, đá vôi và đất sét tại khu vực này có chất lượng và tính ổn định thuộc loại cao nhất nước ta.

Thế mạnh nổi bật của Công ty là nguồn nguyên liệu dồi dào, trữ lượng lớn với chất lượng tốt và ổn định. Đá vôi, đất sét sẵn có dễ khai thác với cự ly ngắn, chất lượng ổn định cao sẽ giúp cho Công ty có nguồn nguyên liệu ổn định và nâng cao được quy hoạch và chủ động khai thác vùng nguyên liệu đảm bảo lâu dài.



Toàn cảnh khai thác đá vôi của Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai

Ngoài nguyên vật liệu chính là đá vôi, đất sét mà Công ty tự khai thác thì các nguyên liệu đầu vào khác để sản xuất xi măng, clinker như than cám, thạch cao, đá bazan, vỏ bao, điện... Công ty đã thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà cung cấp. Danh sách một số nhà cung cấp nguyên liệu chính cho Công ty như sau:

TT	Tên nhà cung cấp	Mặt hàng cung cấp
1	Công ty TNHH XD và TM Trường An	Quặng sắt, đá bazan, Set cac Silíc
2	Công ty CP Sản xuất VLXD Trường Sơn	Bazan
3	Công ty CP Khoáng sản Nghệ An	Bazan
4	Công ty CP Phát triển Khoáng sản 4	Bazan
5	Công ty CP Nhựa bao bì Vinh	Vỏ bao xi măng
6	Công ty CP Bao bì Bim Sơn	Vỏ bao xi măng
7	Công ty Hợp tác kinh tế Quân khu 4	Thạch cao
8	Công ty CP Kinh doanh thạch cao Xi măng	Thạch cao
9	Công ty CP Vật tư vận tải Xi măng	Than 3B, Than 3C, Bazan
10	Công ty CP Vật liệu xây lắp Đà Nẵng	Vỏ bao xi măng

Nguồn: Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai

b. Sự ổn định của các nguồn cung ứng nguyên vật liệu

Mỏ đá Hoàng Mai B với trữ lượng 132.646.000 tấn đủ nguyên liệu cho nhà máy hoạt động hơn 70 năm có hàm lượng CaCO_3 cao, chất lượng ổn định thành phần các tạp chất lẫn có hại nhỏ. Bên cạnh đó, tại Mỏ sét Quỳnh Vinh với trữ lượng 4.297.000 tấn đủ nguyên liệu cho các nhà máy hoạt động liên tục trên 80 năm với chất lượng ổn định.

Nguồn nguyên liệu của Công ty được cung cấp bởi các công ty lớn và có uy tín. Vì thế, Công ty luôn nhận được sự đảm bảo từ các nhà cung ứng về nguồn nguyên vật liệu, đồng thời được hưởng nhiều ưu đãi về giá cả so với các nhà sản xuất cùng ngành. Do vậy, nhìn chung nguồn nguyên liệu của Công ty trong những năm qua khá ổn định.

c. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận

Trong cơ cấu giá thành sản phẩm, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng chủ yếu và là nhân tố quyết định tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Những biến động về giá nguyên vật liệu sẽ có tác động đáng kể tới giá thành sản phẩm cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, kiểm soát chặt chẽ yếu tố chi phí nguyên, nhiên vật liệu trong quá trình sản xuất, Công ty đã xây dựng cũng như tổ chức thực hiện và theo dõi chặt chẽ định mức tiêu hao vật tư. Đồng thời Hoàng Mai cũng đã tiến hành ký hợp đồng cung cấp nguyên liệu dài hạn với các nhà cung cấp lớn trong và ngoài nước nhằm ổn định lâu dài nguồn cung cấp nguyên vật liệu cũng như ổn định mức giá mua nguyên vật liệu, kịp thời đưa vào sản xuất.

6.3. Chi phí sản xuất

Đặc trưng của ngành xi măng là ngành kinh tế thâm dụng vốn, các tài sản của nó là những tài sản có mức vốn đầu tư lớn, chi phí cố định khá cao. Do đó để gia tăng lợi nhuận,

các công ty xi măng phải đẩy mạnh doanh số bán. Nhưng khi thực hiện điều này thì cũng có nghĩa rằng, các công ty sẽ phải sản xuất ở quy mô lớn và do đó, chi phí sẽ bị đẩy lên cao. Lúc này chi phí cố định sẽ là vấn đề sống còn với các công ty xi măng. Nhưng với lợi thế sở hữu công nghệ sản xuất xi măng hiện đại thuộc loại tiên tiến nhất hiện nay vì vậy sự ổn định của máy móc thiết bị sẽ là nền tảng vững chắc để Công ty có thể thực hiện được các kế hoạch đề ra. Việc nhà máy cơ bản chạy bằng than antraxit (cùng với dầu MFO chỉ khoảng 2kg/tấn clinker thấp nhất Tổng Công ty xi măng Việt Nam) là ưu thế cạnh tranh bền vững của Công ty. Không những thế, Công ty còn thực hiện kiểm soát các chi phí bằng việc xây dựng hệ thống định mức sản xuất sản phẩm cho toàn Công ty như sau: quy định về tiêu hao nguyên liệu, quy định về sử dụng và trang bị phương tiện phòng hộ... Công ty cũng liên tục thực hiện các biện pháp cải tiến trong quản lý và sử dụng vật tư, vật liệu hợp lý để giảm chi phí và tăng hiệu quả trong kinh doanh.

6.4. Trình độ công nghệ

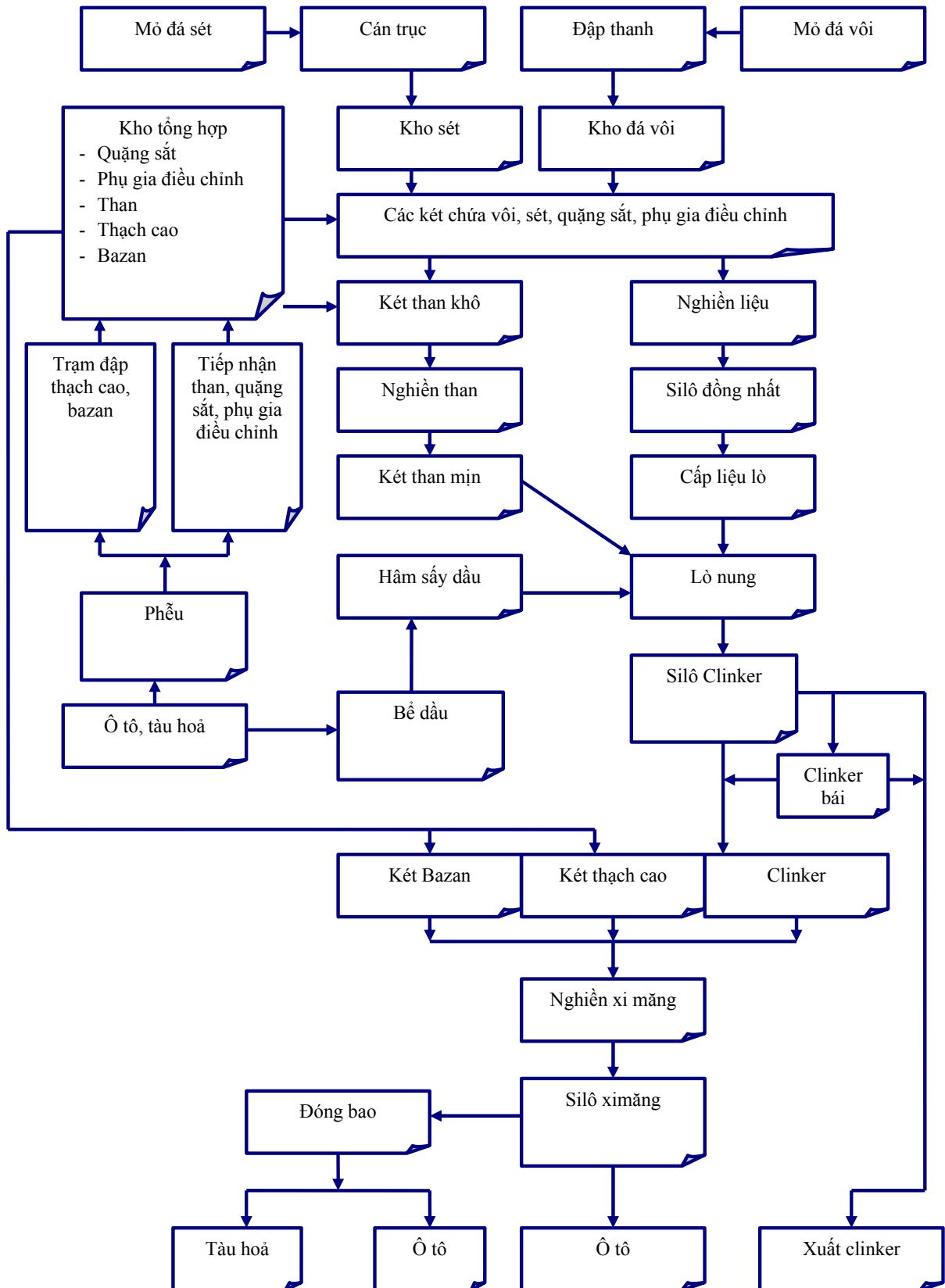
Dây chuyền sản xuất xi măng của Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai với công nghệ lò quay phương pháp khô có hệ thống xuclon 5 tầng trao đổi nhiệt và buồng đốt Canciner đầu lò loại Nox thấp với công suất 4.400T Clinker/ngày. Đây là một nhà máy có công nghệ sản xuất tiên tiến do hãng FCB (Cộng hoà Pháp) thiết kế và cung cấp các thiết bị chủ yếu. Dây chuyền sản xuất chính cũng như các công đoạn phụ trợ đều được cơ khí hoá và tự động hoá cao. Đây là một dây chuyền sản xuất thuộc loại tiên tiến nhất hiện nay, vì vậy sự ổn định của máy móc thiết bị trong quá trình sản xuất sẽ là nền tảng để Công ty tiến hành hoạt động sản xuất đảm bảo hoàn thành các kế hoạch đề ra.

Các thiết bị trong dây chuyền được điều khiển tự động từ bộ phận điều khiển trung tâm chính trực tiếp vận hành và giám sát các thiết bị từ kho đồng nhất sơ bộ, kho tổng hợp đến các Silô xi măng. Ngoài ra còn có các trung tâm nhỏ tại công đoạn đá vôi, đá sét, tiếp nhận nguyên liệu đầu vào và đóng bao.

Bộ phận thí nghiệm – KCS (kiểm tra chất lượng sản phẩm) được trang bị hiện đại và đồng bộ. Hệ thống điều khiển chất lượng tự động QCX: gồm hệ thống máy tính và phổ kế Rongen loại mới nhất với chương trình phần mềm chuyên ngành tối ưu, quản lý chất lượng bột liệu cho phép phân tích chính xác và đưa ra các tỷ lệ cấp liệu hợp lý, đảm bảo sai số nhỏ nhất, không chế các hệ số chế tạo bột liệu; phân tích chính xác thành phần các nguyên nhiên liệu đầu vào, Clinker, xi măng sản xuất và xuất xưởng. Các thiết bị đo lường có độ chính xác cao thường xuyên có sự kiểm định của cơ quan chức năng theo quy định của Nhà nước, đảm bảo kiểm soát chất lượng, số lượng với sai số nhỏ nhất.

Đối với mỗi Công ty thì dây chuyền công nghệ là yếu tố đóng vai trò then chốt để tạo thế mạnh kinh tế. Với ưu thế về công nghệ Xi măng Hoàng Mai là đơn vị đầu tiên trong Tổng công ty xi măng Việt Nam thực hiện nâng 10% năng suất lò nung. Đây là dự án được đánh giá cao trong ngành bởi chi phí chỉ với 1 triệu USD nhưng sản lượng sản xuất đã nâng lên 10%. Đây cũng chính là lợi thế vững chắc trong dài hạn của Công ty so với các Công ty trong ngành.

SƠ ĐỒ QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ



a. Giai đoạn chuẩn bị nguyên vật liệu

Nguyên liệu chính dùng để sản xuất xi măng là đá vôi và đất sét, ngoài ra người ta còn dùng quặng sắt, bôxít hoặc silic để làm nguyên liệu điều chỉnh.

> Đá vôi

Đá vôi khai thác tại mỏ đá Hoàng Mai B bằng phương pháp khoan nổ mìn cắt tầng, được bốc xúc lên ô tô có trọng tải lớn để vận chuyển tới máy đập. Máy đập đá vôi là loại máy đập thanh do hãng Kupp Hazemag SA cung cấp có năng suất 600T : 700T/h có thể đập được vật liệu có kích thước $\leq 1000\text{mm}$ và cho ra sản phẩm có kích thước $\leq 700\text{mm}$ (cho phép $\leq 5\%$ sót sàng 70mm). Sau khi đập nhỏ, đá vôi vận chuyển bằng hệ thống băng tải cao su đưa về kho đồng nhất sơ bộ và rải thành hai đống, mỗi đống khoảng 17.500 tấn theo phương pháp rải dọc kho thành các lớp theo phương pháp hai mái bằng máy đánh đống loại BMH 17,3 – 1,0 – 6,00 với năng suất rải là 720 T/h, mức độ đồng nhất sơ bộ là 10:1.

Tiêu chuẩn kỹ thuật

CaO	$\leq 45\%$
MgO	$\leq 5\%$
SiO ₂	$\leq 5\%$
W (độ ẩm)	$\leq 4,5\%$
Lượng đất lẫn	$\leq 6\%$
Kích thước khai thác	$\leq 1000\text{mm}$
Kích thước sau đập	$\leq 70\text{mm}$ (cho phép $\leq 5\%$ sót sàng 70mm)

Kiểm tra chất lượng:

Kiểm tra chất lượng trước khi khai thác để quy hoạch.

Kiểm tra chất lượng đá vôi tại các diện bốc xúc.

Kiểm tra chất lượng đá vôi sau khi đập trước khi vào kho đồng nhất sơ bộ.

Kiểm tra độ xuất tại đống trong kho đồng nhất.

> Đá sét

Đá sét khai thác tại mỏ sét Quỳnh Vinh bằng phương pháp ủi xúc, vận chuyển bằng ô tô có tải trọng lớn tới máy cán xúc có vấu (răng) năng suất 200 tấn/h. Loại máy này cho phép cán được những vật liệu có kích thước tới 500 mm và cho ra sản phẩm có kích thước $\leq 60\text{mm}$ (cho phép $\leq 5\%$ sót sàng 60mm). Sau đó đá sét được vận chuyển tới kho đồng nhất sơ bộ và rải thành hai đống, mỗi đống khoảng 7500 tấn, theo phương pháp rải lớp luống với mức độ đồng nhất là 10 : 1, bằng hệ thống cầu rải liệu với năng suất 220 tấn/h.

Tiêu chuẩn kỹ thuật

SiO ₂	≥ 60%
Al ₂ O ₃	: 10 ÷ 16 %
Fe ₂ O ₃	: 4,5 ÷ 8,0%
MKN	≤ 10%
W (độ ẩm)	≤ 12%
Kích thước khai thác	≤ 500mm
Kích thước sau đập	≤ 60mm (cho phép ≤ 5% sót sàng 60mm).

Kiểm tra chất lượng

Kiểm tả chất lượng trước khi khai thác để quy hoạch.

Kiểm tả chất lượng tại diện khai thác.

Kiểm tra chất lượng đá sét khai thác trước khi vào kho đồng nhất sơ bộ.

Kiểm tra đột xuất tại đồng trong kho đồng nhất.

> Quặng sắt

Quặng sắt được mua từ bên ngoài, nhập vào Nhà máy qua phễu tiếp nhận công đoạn 116 được rải vào kho tổng hợp thành một đồng khoảng 5.000 tấn. Máy rút liệu loại GL 90/20 dùng chung để rút silic, quặng sắt, than cám cấp từng kết chứa.

Yêu cầu kỹ thuật

Fe ₂ O ₃	≥ 40%
SO ₃	≤ 1,5%
MKN	≤ 10%
W (độ ẩm)	≤ 15%
Kích thước	≤ 25%, (cho phép ≤ 5% sót sàng 25mm).

Không lẫn các tạp chất có hại và các vật liệu khác như sắt, đá....

Kiểm tra chất lượng

Kiểm tra khảo sát trước khi nhập.

Kiểm tra trên phương tiện vận chuyển trước khi nhập vào kho tổng hợp.

Kiểm tra đột xuất trong kho.

> **Sét cao silic**

Sét cao silic được mua từ bên ngoài. Dựa vào bài toán phối liệu mà tiếp nhận qua máy cán trực trạm sét pha vào đồng sét và pha phễu tiếp nhận công đoạn 116 được rải vào kho tổng hợp thành một đồng khoảng 5.000 tấn (trường hợp này là không dùng bôxít), được máy rút liệu cấp vào két silic.

Yêu cầu kỹ thuật

SiO ₂	≥ 75%
MKN	≤ 7%
W	≤ 9%
Kích thước	≤ 50 mm, (cho phép ≤ 5% sót sàng 50 mm).

Kiểm tra chất lượng

Kiểm tra khảo sát tại mỏ trước khi nhập.

Kiểm tra trên phương tiện vận chuyển trước khi nhập vào kho tổng hợp.

Kiểm tra đột xuất trong kho.

> **Bô xít**

Bôxít được mua từ bên ngoài, nhập vào nhà máy qua phễu tiếp nhận công đoạn 116 được rải vào kho tổng hợp thành một đồng khoảng 5.000 tấn (trường hợp này không dùng silic), được máy rút liệu cấp vào két cấp liệu máy nghiền.

Yêu cầu kỹ thuật

Al ₂ O ₃	≥ 40%
SO ₃	≤ 1,5%
Hệ số Ma (Al ₂ O ₃ / Fe ₂ O ₃)	≥ 1,5
W (độ ẩm)	≤ 8%
Kích thước	≤ 25 mm, (cho phép ≤ 5% sót sàng 25 mm).

Kiểm tra chất lượng.

Kiểm tra khảo sát trước khi nhập.

Kiểm tra trên phương tiện vận chuyển trước khi nhập vào kho tổng hợp.

Kiểm tra đột xuất kho.

b. Giai đoạn nghiền phối liệu và đồng nhất

Đá vôi, sét, silic, quặng sắt được các cầu xúc, máy cào cấp vào các kết chứa trung gian, khả năng chứa các kết như sau:

Kết chứa đá vôi: 533 tấn

Kết chứa đá sét: 231 tấn

Kết chứa quặng sắt: 284 tấn

Kết chứa silic: 240 tấn

Từ các kết chứa trung gian nguyên liệu được cấp vào máy nghiền qua hệ thống cân bằng lượng. Máy nghiền nguyên liệu là loại máy nghiền do hãng Pfeiffer AG cung cấp dạng MPS 5000B có năng suất 320T ÷ 350 tấn/h. Bột liệu đạt yêu cầu được lắng bằng hệ thống Xyclon và bụi tĩnh điện, vận chuyển qua hệ thống máng khí động, vít tải và gàu nâng tới Silô đồng nhất có sức chứa 20.000 tấn với hệ thống sục khí được điều khiển tự động. Mẫu bột liệu nghiền được lấy trước Silô bằng thiết bị lấy và vận chuyển mẫu tự động, kết quả phân tích mẫu là dữ liệu để hệ thống quản lý chất lượng QCX điều chỉnh tỷ lệ cấp liệu. Việc đồng nhất phối liệu được thực hiện trong quá trình nạp và tháo liệu ra khỏi Silô, với mức độ đồng nhất là 10 : 1 đủ điều kiện nạp liệu cho lò nung.

Tiêu chuẩn kỹ thuật.

SiO₂ : 12 ÷ 14%

Al₂O₃ : 2 ÷ 4%

Fe₂O₃ : 1,5 ÷ 3%

CaO : 42 ÷ 46%

LSF : 96 ÷ 109

SIM : 2,2 ÷ 2,8

ALM : 1 ÷ 2

W (độ ẩm) : ≤ 1,0%

Độ mịn : ≤ 14% sót sàng 80 μm

Tít, %: 77 ÷ 85

Kiểm tra chất lượng

Hàng giờ phân tích mẫu bột liệu sau máy nghiền xác định các hệ số chế tạo, độ mịn, độ ẩm làm cơ sở điều chỉnh tỷ lệ cấp liệu, điều chỉnh các thông số vận hành máy nghiền.

Chuẩn tổng lượng cacbonat (tít) khi máy X – Ray hồng.

c. Dự trữ nguyên liệu

Để đảm bảo cho lò nung hoạt động liên tục ổn định cần có một lượng nguyên liệu dự trữ như sau;

Đá vôi:	khoảng 17.500 tấn
Đá sét:	khoảng 8.000 tấn
Quặng sắt:	khoảng 3.000 tấn
Phụ gia điều chỉnh:	khoảng 3.000 tấn
Bột phối liệu:	khoảng 15.000 tấn

d. Nung Clinker

Bột liệu từ Silô đồng nhất được cấp vào lò phù hợp với tốc độ quay nhờ một hệ thống cấp liệu gồm các máng tháo, kết trung gian, cân cấp liệu, hệ thống van điều chỉnh, gầu nâng và thiết bị phụ trợ. Lò nung với kích thước 4,5 x 70m, năng suất 4.400 tấn Clinker/ngày với thiết bị Canciner đặc trưng giảm thiểu nồng độ Nox, tiết kiệm năng lượng. Nhiên liệu chủ yếu là than antraxit được đốt 40% trong lò và 60% trong Canciner, dầu FO chỉ sử dụng khi sấy lò và trong những thời gian lò chưa ổn định. Với hàng nghìn thông số đo cho phép không chế theo dõi chặt chẽ diễn biến quá trình nung luyện, tình trạng làm việc của thiết bị đảm bảo vận hành một cách tối ưu, chất lượng Clinker tốt. Ngoài ra còn có hệ thống giám sát nhiệt độ vỏ lò liên tục trên gần hết chiều dài lò giúp cho người vận hành những thông tin chính xác về tình trạng lớp lót trong lò để có những xử lý thích hợp: cũng như hệ thống camera theo dõi ngọn lửa và những vị trí vận hành thiết yếu.

Thiết bị làm lạnh kiểu ghi do hãng BMH SA cung cấp, tận dụng nhiệt năng, hiệu suất cao, chất lượng Clinker đảm bảo. Clinker sau khi làm nguội với nhiệt độ $\leq 85\%$ được vận chuyển tới 2 silô chứa, mỗi silô 20.000 tấn và 01 silô Clinker dự phòng sức chứa 1.528 tấn. Mẫu Clinker được lấy trước khi vào silô chứa.

Tiêu chuẩn kỹ thuật.

Dung trọng: 1,1 ÷ 1,5 kg/lít (giữa 2 sàng 10 và 5 mm)

CaO tự do $\leq 2\%$

SiO₂: 19 ÷ 24%

Al₂O₃: 3 ÷ 6,5%

Fe₂O₃: 2,5 ÷ 5%

CaO: 60 ÷ 68%

MgO: $\leq 5\%$



C₃S: 35 ÷ 70%

C₂S: 8 ÷ 35%

C₃A; 7 ÷ 12%

C₄AF: 5 ÷ 11%

LSF: 88 ÷ 98

SIM; 2,0 ÷ 3,2

ALM: 1,2 ÷ 2,5

Màu sắc đen xám, có ánh kim, tỷ lệ viên cao, kích thước viên vừa phải.

Nhiệt độ ≤ 850 C

Cỡ hạt: Dưới sàng 1mm, không lớn hơn 10%, trên sàng 5mm và dưới sàng 25mm, không nhỏ hơn 40%.

Kiểm tra chất lượng.

Kiểm tra chất lượng bột liệu nạp lò theo định kỳ.

Hàng giờ kiểm tra chất lượng clinker sau khi nung, xác định dung trọng, vôi tự do, (lúc cần thiết có thể xác định thành phần, tỷ lệ cỡ hạt) làm cơ sở cho vận hành và quyết định tỷ lệ cấp phối khi nghiền xi măng.

Hàng ngày phân tích hoá mẫu clinker trung bình, thử cơ lý khi cần thiết.

Nhiên liệu:

➤ **Than**

Công ty sử dụng than cám 3b, 3c theo chuẩn Việt Nam. Than nhập về qua phễu tiếp nhận công đoạn 116 được rải thành 2 đồng khoảng 7.500 tấn trong kho tổng hợp. Than thô được máy rút liệu vận chuyển vào két chứa, cấp cho máy nghiền qua cân định lượng. Máy nghiền than là máy nghiền đứng loại MPS 2800BK do hãng Pfeiffer – AG cung cấp năng suất 30 tấn/h. Than được sấy khô bằng khí nóng thu hồi từ sản lọc bụi tĩnh điện Clinker và lò đốt phụ 150 – HG1. Bột than mịn được chứa trong 2 két cấp cho lò và Canciner qua hệ thống cân định lượng SCHENSK.

Tiêu chuẩn kỹ thuật của than nhập:

STT	Loại than	Cỡ hạt Max, mm	Độ tro Ak %, max	Độ ẩm toàn phần Wtp, %, max	Chất bốc Vk, %, trung bình	Hàm lượng lưu huỳnh Sk, %, max	Nhiệt trị Qk, J/g, min
1	3b	15	15	12	5,5 ÷ 7,5	0.8	29517
2	3c	15	18	15	5,5 ÷ 7,5	0.8	28679

Kiểm tra chất lượng.

Kiểm tra chất lượng trước khi nhập trên phương tiện vận chuyển.

Kiểm tra đột xuất trong kho.

Hàng giờ kiểm tra mẫu sau khi nghiền xác định độ mịn, độ ẩm.

Khi cần kiểm tra độ tro, chất bốc của than mịn trong ca.

Hàng ngày kiểm tra mẫu than mịn trung bình.

> **Dầu FO - DO**

Dầu FO được tiếp nhận từ ô tô được bơm vào bể chứa 1.630 m³, từ đó dầu được bơm vào bể trung gian sức chứa 172 m³. Dầu được sấy nóng qua hệ thống trao đổi nhiệt đạt đến nhiệt độ 110 ÷ 1300 C đảm bảo độ nhớt thấp, dễ tạo sương mù, đủ áp suất, dễ cháy. Dầu tải nhiệt Mobill qua hệ thống gia nhiệt (được đốt bằng dầu DO) đến nhiệt độ cho hệ thống đường ống cấp dầu đốt rồi tuần hoàn trong hệ thống nhờ bơm và bộ phận ổn áp để giữ áp suất ổn định cho hệ thống.

Dầu DO được tiếp nhận vào két chứa 24 m³, chỉ dùng để đốt trong bộ phận gia nhiệt cho dầu tải nhiệt.

Tiêu chuẩn kỹ thuật:

STT	Tên chỉ tiêu	FO loại N ⁰ 2B	DO loại 0,5% s
1	Khối lượng riêng ở 15 ⁰ C, Kg/lít, Max	0,991	
2	Độ nhớt động học ở 50 ⁰ C cSt, Max	180	
3	Điểm chớp lửa cốc kín, ⁰ C, Min	66	60
4	Hàm lượng lưu huỳnh, %	< 3,0	0,5
5	Hàm lượng nước, %, Max	1,0	0,05
6	Hàm lượng tạp chất, %, Max	0,15	
7	Nhiệt trị, J/g, Min	41030	
8	Hàm lượng tro, %, Max	0,15	0,01
9	Cặn Cacbon, Conradson, %, Max	16	

Kiểm tra chất lượng:

Kiểm tra chất lượng dầu trước khi nhập trên phương tiện vận tải.

Kiểm tra chất lượng dầu khi cần thiết tại các két chứa.

e. Nghiền xi măng

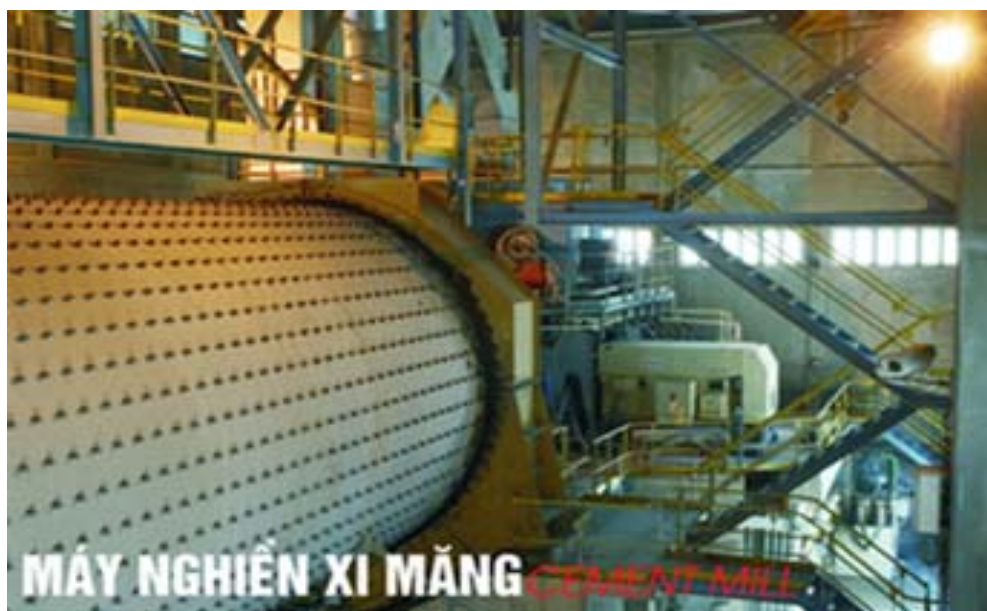
Thạch cao, Bazan nhập về bằng ô tô hoặc tàu hoả, công đoạn 115, 116 tiếp nhận, đập nhỏ rải thành 2 đống trong kho tổng hợp. Clinker từ các Silô; thạch cao và phụ gia từ kho chứa tổng hợp được vận chuyển lên các két chứa của máy nghiền bằng hệ thống băng tải và gầu nâng. Sức chứa các két:

Két clinker: 300 tấn

Két thạch cao: 200 tấn

Két Bazan: 200 tấn

Clinker có thể tập kết từ bên ngoài vào qua các phễu tiếp nhận. Từ két chứa, Clinker được cấp vào máy nghiền sơ bộ CKP 200 bằng các cân cấp liệu được điều chỉnh tự động. Máy nghiền sơ bộ xi măng là loại máy nghiền đứng của hãng TECHNIP – CLE. Clinker ra khỏi máy nghiền đứng được cấp vào máy nghiền bi cùng với thạch cao và phụ gia. Sản phẩm máy nghiền bi được đưa tới phân ly, hạt mịn đưa tới cyclon lắng, phần thô còn lại sau phân ly tuần hoàn về máy nghiền bi. Máy nghiền xi măng là loại máy nghiền bi 2 ngăn làm việc theo chu trình kín có phân ly trung gian với năng suất thiết kế 240 tấn/giờ (khi làm việc độc lập có thể đạt 160 tấn ÷ 180 tấn/giờ), độ mịn xi măng đạt 3.200cm²/g. Nhiệt độ xi măng được khống chế nhờ hệ thống phun nước làm mát bên trong máy nghiền. Xi măng thành phẩm được vận chuyển tới 4 Silô chứa xi măng bột có tổng sức chứa 4 x 10.000 tấn bằng hệ thống máng khí động và gầu nâng.



Kiểm tra chất lượng trên phương tiện vận tải trước khi nhập.

Kiểm tra đột xuất trong kho.

Xi măng nghiên

Hàng giờ kiểm tra mẫu xi măng sau khi nghiên xác định độ mịn. Khi cần, xác định lượng nước tiêu chuẩn, thời gian đông kết của xi măng nghiên trong ca.

Hàng ngày kiểm tra tất cả tính chất cơ lý, hoá của mẫu xi măng nghiên trung bình (riêng cường độ thử R3, R7).

f. Xuất xi măng

Xi măng được chứa trong 4 Silô tổng sức chứa 40.000 tấn. Từ đáy các Silô chứa, qua hệ thống cửa tháo xi măng được vận chuyển tới các két chứa của máy đóng bao hoặc các bộ phận xuất xi măng rời.

Hệ thống xuất xi măng rời gồm 1 vòi xuất cho ô tô năng suất 150 tấn/h. Hệ thống đóng bao gồm 4 máy, loại máy BMH, kiểu quay 8 vòi với cân định lượng tự động, năng suất mỗi máy 120 tấn/h. Các bao xi măng qua hệ thống băng tải sẽ được vận chuyển tới máng xuất xi măng cho tàu hoả và ô tô.

Tiêu chuẩn kỹ thuật

Các chỉ tiêu hoá, cơ lý như xi măng nghiên.

Khối lượng tịnh, mỗi bao xi măng: 50 ± 1 kg.

Khối lượng mỗi lô xi măng PC40 là 2.000 tấn/lô và PCB40 là 4.000 tấn/lô.

Trường hợp đặc biệt có thể thoả thuận với khách hàng về lô hàng.

Kiểm tra chất lượng

Kiểm tra chất lượng theo lô hàng xuất.

Hàng ca kiểm tra khối lượng bao (200 bao/lô xi măng).

Kiểm tra đột xuất chất lượng xi măng trong Silô.

6.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ

Để đạt được hiệu quả cao trong công việc, từ năm 2002, Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai đã triển khai xây dựng, tổ chức thực hiện hơn 200 quy trình quản lý, vận hành theo yêu cầu của Hệ thống quản lý chất lượng. Qua nhiều lần đánh giá, tháng 8 năm 2004, Trung tâm chứng nhận Quacert thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đã cấp Giấy chứng nhận phù hợp TCVN ISO 9001:2000.

Hệ thống quản lý chất lượng của Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai là công cụ cung cấp những chuẩn mực cho các hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh; giúp cho cán bộ, công nhân viên thực hiện việc quản lý, kiểm soát chất lượng và công việc một cách nhất quán. Mỗi cán bộ công nhân viên khi được giao thực hiện nhiệm vụ ở bất cứ vị trí công tác nào đều được phổ biến để nhận thức được rằng công việc mà họ thực hiện ảnh hưởng đến chính sách và mục tiêu chất lượng. Công ty áp dụng các hình thức kiểm tra thực hành để đánh giá chất lượng, công tác đào tạo, quy trình vận hành; duy trì thường xuyên việc cải tiến theo các yêu

cầu của hệ thống ISO 9001:2000 nhằm ngày càng nâng cao công tác quản lý chất lượng và tổ chức sản xuất có hiệu quả. Hàng năm Ban lãnh đạo Công ty có trách nhiệm hoạch định, cung cấp đủ nguồn lực cho các hoạt động quản lý, xây dựng chính sách chất lượng và mục tiêu chất lượng, theo định kỳ tổ chức Quacert đánh giá về việc quản lý và vận hành hệ thống.

Việc thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 cùng với đây chuyên công nghệ tiên tiến, đội ngũ lãnh đạo, kỹ sư, công nhân vận hành có kinh nghiệm đã đưa ra thị trường những sản phẩm có chất lượng tốt.



6.6. Tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới

Cũng giống như các doanh nghiệp thuộc khối sản xuất khác, việc đưa ra thị trường sản phẩm mới với những tính năng mới vượt trội hơn các sản phẩm khác sẽ tạo ra cho doanh nghiệp lợi thế cạnh tranh lớn so với các doanh nghiệp khác. Chính vì vậy trong những năm qua, ngoài việc ổn định sản xuất kinh doanh các sản phẩm hiện có, Công ty không ngừng nghiên cứu để đưa ra thị trường những sản phẩm mới có chất lượng cao và có nhiều tính năng mới nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội. Bên cạnh đó, Công ty còn có xu hướng nghiên cứu để đa dạng hóa các loại sản phẩm, dịch vụ cung cấp như: sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng (gạch, ngói không nung, đá xây dựng, bê tông thương phẩm); Đầu tư xây dựng xưởng sản xuất vỏ bao xi măng; Đầu tư kinh doanh khoáng sản, phụ gia xi măng....

Với nhu cầu ngày càng cao của xã hội về xi măng nói riêng và vật liệu xây dựng nói chung, việc đẩy nhanh triển khai các dự án trên để sớm đi vào thực tiễn là hết sức cần thiết. Điều này vừa đảm bảo cho Công ty đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ từ đó giảm rủi ro trong sản xuất kinh doanh lại vừa đem lại nguồn thu mới cho Công ty.

6.7. Hoạt động Marketing

Quảng bá thương hiệu

Tuy thương hiệu đã được khẳng định trên thị trường vật liệu xây dựng. Nhưng Công ty vẫn nỗ lực xây dựng và quảng bá thương hiệu của mình đối với khách hàng, khiến cho thương hiệu Hoàng Mai đã trở thành một thương hiệu quen thuộc và là sự lựa chọn của các công trình.

Trên nhiều thành phố, Công ty đã đặt các panô quảng cáo tầm lớn, tài trợ biển quảng cáo cho các đại lý, cửa hàng bán lẻ thuộc địa bàn được Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam phân công đảm nhiệm. Công ty cũng thực hiện quảng cáo trên các đài, báo, trên truyền hình Nghệ An và các đài trung ương. Đồng thời, công ty cũng liên tục tham gia các Hội chợ hàng Việt Nam chất lượng cao trong nhiều năm. Sản phẩm của Công ty cũng liên tục được bình chọn trong nhóm hàng Việt Nam chất lượng cao trong nhiều năm liên tục.

Chính sách bán hàng

Công ty có chính sách bán hàng hiệu quả nhằm khuyến khích người mua hàng bằng nhiều hình thức như khuyến mại cho người mua sản phẩm của Công ty, người mua hàng có thể trả chậm theo hình thức bảo lãnh của Ngân hàng, Công ty tổ chức đưa hàng đến tận công trình khi khách hàng yêu cầu...Khi có những ý kiến của khách hàng gửi tới, Công ty luôn lắng nghe và có phúc đáp tận nơi, trực tiếp giải quyết nhanh các khiếu nại của khách hàng sử dụng sản phẩm của Công ty. Chính vì vậy, các sản phẩm của Công ty luôn chiếm được lòng tin của khách hàng, do đó sản phẩm của Công ty được sử dụng rộng rãi trong nhiều công trình trên khắp cả nước.

Hệ thống phân phối sản phẩm

Hiện tại, hệ thống phân phối xi măng Hoàng Mai trải rộng từ Bắc vào Nam. Sản phẩm xi măng Hoàng Mai được tiêu thụ thông qua các nhà phân phối chính khắp cả nước.

Một số đại lý phân phối của Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai và doanh số trong năm 2008 của các nhà phân phối

STT	TÊN	ĐỊA CHỈ	DOANH SỐ NĂM 2008 (VND)
I.	Nhà phân phối xi măng Hoàng Mai		
1	Công ty CP Kinh doanh thạch cao Xi măng	24 Đường Hà Nội - Tp.Huế	2.387.025.300
2	Công ty CP Thương mại và Vận tải Long Khánh	Phú thứ - Kinh Môn - Hải Dương	10.546.858.600
3	Công ty CP Thương mại & Vận tải Sông Đà - XN Sotraco 1	Km số 10 Phường Văn Mỗ-Hà Đông-Hà Tây	14.201.726.000

4	Công ty CP Xi măng Vật liệu xây dựng – xây lắp Đà Nẵng	Số 13-15 Lê Hồng Phong - TP Đà Nẵng	142.187.456.600
5	Công ty CP Đầu tư & Kinh doanh VLXD FICO	26B Nguyễn Thái Bình - Quận 1 TP Hồ Chí Minh	16.630.042.050
6	Công ty Cổ phần Bình Định Constrexim	Km1219 QL1A- TT Diêu Trì, Tuy Phước, Bình Định	7.513.426.500
7	Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định (Pectec)	389 Trần Hưng Đạo-TP Quy Nhơn-Bình Định	33.713.407.150
8	Công ty Cổ phần Thương mại xi măng	Số 348 Đường Giải Phóng - Phương Liệt -Thanh Xuân - Hà Nội	18.911.809.300
9	Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Anh Quân	65 - Đường Trường Chinh - Tỉnh Nghệ An.	17.598.395.000
10	Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Miền Trung	33 Nguyễn Thái Học - Thành Phố Vinh	173.179.336.070
11	Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị và xây dựng Nghệ An.	94 Phan Đình Phùng – Cửa Nam - TP Vinh	65.131.316.000
12	Công ty cổ phần xây dựng Ninh Thuận	Số 53 Đường Nguyễn Văn Trỗi - Phan Rang - Tháp Chàm -Ninh Thuận	11.531.677.525
13	Công ty TNHH Rạng Đông	Xóm Núi - Quất Lưu - Bình Nguyên - Vĩnh Phúc	8.433.283.675
14	Công ty TNHH sản xuất và thương mại Phước Hoà	369 - Đống Đa - TP Quy Nhơn - Bình Định	44.163.650.850
15	Công ty TNHH Thanh Lam	Hải Lâm – Mai Lâm -Tĩnh Gia - Thanh Hoá	59.907.302.515
16	Công ty TNHH Thiên Phú	72A (Khu Số 2) Lê Hồng Phong - Nha Trang - Khánh Hoà	47.368.457.250
17	Công ty TNHH thương mại Lộc Thịnh	B20 - TT14 - Đô Thị văn Quán - Hà Đông - Hà Tây – Hà Nội	11.983.360.700
18	Công ty TNHH Thành Hưng	QL1A - P Đông Giang, Thị xã Đông Hà, Quảng Trị	15.758.515.275
19	Công ty TNHH Thành Luân	Phường Hưng Bình - Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An	92.478.778.500
20	Công ty TNHH TM & xây lắp Quy Nhơn	2 B-Phan Chu Trinh-TP.Quy Nhơn	23.289.450.050
21	Công ty TNHH TM Công nghiệp Phú Yên	04 Lê Lợi - Phường I - Thành Phố Tuy Hoà - Tỉnh Phú Yên	10.565.938.200
22	Công ty TNHH vận tải và thương mại Phú Cường	Số 5 Nguyễn Đức Cảnh - TP Nha Trang - Khánh Hoà	23.078.392.350
23	Công ty TNHH XDTM và DV Thuận Yến	Đông Lễ - Bình Thuận - Bình Sơn - Quảng Ngãi.	4.499.039.000

24	Công ty TNHH xi măng Khánh Hoà	158 Lê Hồng Phong – TP Nha Trang Khánh Hoà	43.382.880.050
25	Công ty Vân Anh (Công ty CP VAVINA)	120 đường Trịnh Khả-P.Đông Vệ - Tp.Thanh Hoá	4.428.738.500
26	Công ty đầu tư xây dựng và thương mại Constrexim	153 - Thống Nhất - Nha Trang - Khánh Hoà	13.143.299.850
27	Doanh nghiệp tư nhân Thanh Bình	Hải Lâm - Mai Lâm - Thanh Hoá	30.157.735.350
28	Xí Nghiệp dịch vụ vận tải & TM tư nhân Viết Hải	Ông Trần Văn Viết - Đường Nguyễn Du, Phường Trần Phú, thị xã Hà Tĩnh	23.902.364.900
29	Xí nghiệp KDVT & VTTN Bình Nguyên	43 Nguyễn Du, Hà Tĩnh	19.926.191.000
30	Xí nghiệp tư doanh Thành Công	Số 07 Nguyễn Bình Khiêm - Buôn Ma Thuột - Đắk Lắk	39.186.933.296
II.	Khách hàng tiêu thụ Clinker hạt		
1	Công ty Xi măng Hoàng Thạch	Mình Tân, Kim Môn, Hải Dương	18.625.386.373
2	Công ty Xi măng Hà Tiên 1	Cây số 8 - Đường Hà Nội, Thủ Đức, TP HCM	33.138.696.220
3	Công ty Xi măng Hà Tiên 2	Thị trấn Kiên Lương - Huyện Kiên Lương - Tỉnh Kiên Giang	24.000.000.000
4	Công ty Xi măng Hải Vân	Khu Công nghiệp Liên Chiểu - TP Đà Nẵng	3.182.208.300
5	Công ty TNHH Thương Mại Thành Công	Khối Tân Phong - Thị Trấn Hoàng Mai - Quỳnh Lưu - Nghệ An	4.805.952.700

Nguồn: Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai

6.8. Nhãn hiệu hàng hóa và đăng ký bảo hộ

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay nhãn hiệu đóng một vai trò quan trọng trong việc xây dựng hình ảnh một doanh nghiệp. Mặc dù là nhà sản xuất và kinh doanh xi măng hàng đầu tại miền Trung, đáp ứng nhu cầu xi măng chủ chốt cho các tỉnh Bắc Trung Bộ, miền Trung, Tây Nguyên, nhưng Công ty vẫn chú trọng đầu tư quảng bá thương hiệu của mình. Hướng tới trong tương lai nhãn hiệu xi măng Hoàng Mai không những là nhãn hiệu quen thuộc trong nước mà còn xuất khẩu ra nước ngoài.

Mẫu logo của Công ty:



6.9. Các hợp đồng lớn

* Một số hợp đồng lớn đã ký kết, thực hiện năm 2008

S tt	Tên hợp đồng	Loại hợp đồng	Đối tác	Giá trị hợp đồng (VNĐ)	Thực hiện năm 2008 (VNĐ)
1	HĐ Bán xi măng	Bán sản phẩm	Công ty CP Xi măng VLXDXL Đà Nẵng	129.000.000.000	142.187.456.600
2	HĐ Bán xi măng	Bán sản phẩm	Công ty CP Thương mại Xi măng	51.600.000.000	18.911.809.300
3	HĐ Bán xi măng	Bán sản phẩm	Công ty CP VLXD Miền Trung	120.400.000.000	173.179.336.070
4	HĐ Bán xi măng	Bán sản phẩm	Công ty CP VTTB và xây dựng	60.200.000.000	65.131.316.000
5	HĐ Bán xi măng	Bán sản phẩm	Công ty TNHH Thành Luân	72.240.000.000	92.478.778.500
6	HĐ Bán xi măng	Bán sản phẩm	Cty TNHH TM&DV vận tải Việt Hải	17.200.000.000	23.902.364.900
7	HĐ Bán xi măng	Bán sản phẩm	Xí nghiệp Tư doanh Thành Công	43.000.000.000	39.186.933.296
8	HĐ Bán xi măng	Bán sản phẩm	Công ty TNHH Xi măng Khánh Hoà	30.960.000.000	43.382.880.050
9	HĐ Bán xi măng	Bán sản phẩm	Xí nghiệp KD vật tư & vận tải TN Bình Nguyên	25.800.000.000	19.926.191.000
10	HĐ Bán xi măng	Bán sản phẩm	DNTN Thanh Bình	34.400.000.000	30.157.735.350
11	HĐ Bán xi măng	Bán sản phẩm	Công ty TNHH Thanh Lam	51.600.000.000	59.907.302.515
12	HĐ Bán xi măng	Bán sản phẩm	Công ty TNHH Thiên Phú	34.400.000.000	47.368.457.250

Nguồn: Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai

*** Một số hợp đồng lớn đã ký kết, đang thực hiện năm 2009**

ST T	Tên hợp đồng	Loại hợp đồng	Đối tác	Giá trị hợp đồng (VNĐ)	Thực hiện Quý I năm 2009 (VNĐ)
1	HĐ Bán xi măng	Bán sản phẩm	Công ty CP xi măng VLXD XL Đà Nẵng	215.000.000.000	27.864.923.800
2	HĐ Bán xi măng	Bán sản phẩm	Công ty CP VLXD Miền Trung	204.240.000.000	57.227.011.827
3	HĐ Bán xi măng	Bán sản phẩm	Công ty TNHH Thành Luân	119.770.000.000	37.940.214.953
4	HĐ Bán xi măng	Bán sản phẩm	Công ty CP VTTB và xây dựng	84.470.600.000	35.813.948.500
5	HĐ Bán xi măng	Bán sản phẩm	DNTN Thanh Bình	63.510.000.000	13.378.816.172
6	HĐ Bán xi măng	Bán sản phẩm	Công ty TNHH Thiên Phú	51.600.000.000	9.666.393.000
7	HĐ Bán xi măng	Bán sản phẩm	XN tư doanh Thành Công	51.600.000.000	7.341.241.100
8	HĐ Bán xi măng	Bán sản phẩm	Công ty TNHH xi măng Khánh Hoà	51.600.000.000	6.888.842.500
9	HĐ Bán xi măng	Bán sản phẩm	Công ty CP VT&TM Anh Quân	47.370.000.000	7.394.019.400
10	HĐ Bán xi măng	Bán sản phẩm	XN kinh doanh vật tư và vận tải TN Bình Nguyên	38.700.000.000	6.927.300.000
11	HĐ Bán xi măng	Bán sản phẩm	Công ty TNHH TM&DV vận tải Việt Hải	38.160.000.000	9.073.568.500
12	HĐ Bán xi măng	Bán sản phẩm	Công ty TNHH TMCN Phú Yên	21.500.000.000	2.189.728.000

Nguồn: Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai

7. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM GẦN NHẤT
7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2008 (từ 01/01/2008-31/3/2008 và từ 01/04/2008 đến 31/12/2008) và quý I/2009

S T T	Các chỉ tiêu	ĐVT	Từ 01/01/2008 - 31/3//2008	Từ 01/4/2008 - 31/12//2008	Quý I năm 2009
1	Tổng tài sản	Đồng	2.424.116.318.993	2.389.849.478.121	2.401.359.717.614
2	Doanh thu thuần	Đồng	256.692.958.630	830.429.226.528	271.572.092.648
3	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	Đồng	-25.989.624.201	85.826.901.929	30.028.176.948
4	Lợi nhuận khác	Đồng	873.424.150	-27.313.684.367	336.177.035
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	-25.116.200.051	58.513.217.562	30.364.353.983
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	-25.116.200.051	58.513.217.562	30.364.353.983
7	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%		6,75%	

Nguồn: Báo cáo kiểm toán cho kỳ hoạt động 01/01/2008 – 31/3/2008; 01/04/2008 - 31/12/2008; Báo cáo tài chính Quý I/2009 của Công ty và Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2009. (Công ty Xi măng Hoàng Mai chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 01/04/2008).

Lưu ý:

Khoản lợi nhuận khác phát sinh trong kỳ hoạt động từ 01/4/2008 – 31/12/2008 (27.313.684.367 đồng) bao gồm 2 phần:

- Thu nhập khác: 3.189.105.004 đồng
- Chi phí khác: - 30.502.789.371 đồng (Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản vay có gốc ngoại tệ).

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2008

Năm 2008, Công ty không sản xuất xi măng mác thấp PCB30 để tập trung sản xuất xi măng mác cao là PC40 và PCB40 làm nâng cao hơn uy tín thương hiệu sản phẩm. Điều này giúp xác định vị thế Xi măng Hoàng Mai trong dài hạn, tuy nhiên việc từ bỏ phân khúc thị trường giá rẻ làm phần nào giảm sản lượng tiêu thụ trong năm 2008.

Những tháng đầu năm, nhu cầu tiêu thụ tăng đột biến là điều kiện thuận lợi để Công ty triển khai thành công định hướng của Tổng công ty về chính sách giá bán đầu nguồn, xác lập một mặt bằng giá mới cho thị trường, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Sản lượng tiêu thụ của Công ty 6 tháng đầu năm đạt gần 800.000 tấn trong đó Xi măng Hoàng Mai đạt 690.000 tấn. Tuy nhiên bước vào quý III/2008 và đặc biệt sang quý IV, do chính sách thắt chặt tiền tệ, giảm đầu tư công của Nhà nước làm giảm nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng nói chung và xi măng nói riêng. Một số dự án xi măng mới bước vào sản xuất làm tăng lượng cung xi măng cho thị trường với chính sách giá thấp cộng với ảnh hưởng bất lợi đối với những thương hiệu còn chưa thực sự mạnh như xi măng Hoàng Mai khi thực hiện chính sách tiêu thụ chung trong toàn Tổng công ty nên sản lượng tiêu thụ của Công ty sụt giảm liên tục, có giai đoạn chỉ còn đạt 1.000 tấn/ ngày, bằng 20% so với ngân sách dự kiến. Vì vậy, tổng sản phẩm tiêu thụ của Công ty chỉ đạt gần 1,4 triệu tấn, bằng 89,8% kế hoạch năm 2008, dẫn đến việc giảm doanh thu, lợi nhuận so với kế hoạch đặt ra.

Đồng thời, trong năm giá một số nguyên liệu đầu vào như: Than, Thạch cao, Vôi bao,... biến động tăng đã làm tăng giá thành sản phẩm, giảm lợi nhuận ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, với công nghệ sản xuất tiên tiến có khả năng tiết kiệm nhiên liệu tối đa mà vẫn đưa ra được sản phẩm có chất lượng cao, cho nên xi măng Hoàng Mai vẫn đảm bảo được sự bình ổn về giá bán, và đảm bảo lợi nhuận của Công ty. Vì vậy, tuy mới chính thức trở thành công ty cổ phần từ 01/04/2008 nhưng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai đã thể hiện sự nỗ lực của Công ty trong việc thực hiện những mục tiêu chiến lược đề ra.

8. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG NGÀNH

8.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Với sự quan tâm của Tổng công ty xi măng Việt Nam, mặc dù gặp không ít khó khăn Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai đã có quá trình phát triển tương đối ổn định qua các năm. Trong những năm tới Công ty đang nghiên cứu có thể nâng cao năng suất lò thêm 10% nữa, nâng cao công suất lò có thể đạt 4.600 – 4.700 tấn/ngày. Ngoài các mặt hàng truyền thống công ty cũng từng bước mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh sang các lĩnh vực khác như sản xuất xi măng và clinker đặc chủng: xi măng bền sulfa, xi măng ít toả nhiệt. Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, kinh doanh vận tải đường biển. Song song với quá trình sản xuất trên đây, công tác kinh doanh đã được lãnh đạo Công ty chú trọng ngay từ đầu. Công ty xi măng Hoàng Mai là đơn vị phía Bắc đầu tiên thuộc Tổng Công ty xi măng Việt Nam áp dụng mô hình kinh doanh bán hàng thông qua hệ thống nhà phân phối chính. Sau 5 năm đi vào hoạt động, đến nay Công ty đã xây dựng được hệ thống nhà phân phối chính ổn định, phát triển trên khắp cả nước. Sản phẩm của Công ty đã và đang cung cấp cho các công trình trọng điểm quốc gia như Trung tâm Hội nghị quốc gia, cầu Vĩnh Tuy (Hà Nội), dự án Thủy điện Cửa Đạt (Thanh Hoá), dự án thủy điện Bản Vẽ (Nghệ An), dự án lọc dầu Dung Quất, các dự án thủy điện Buôn Kuốp, Sê san... (tại miền Trung và Tây Nguyên).

Trong những năm trước khi cổ phần hóa, Công ty đã thực hiện tốt nhiệm vụ được giao: cung cấp đầy đủ xi măng cho thị trường với chất lượng tốt, giữ vững ổn định giá cả thị trường, hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao với sản lượng năm sau cao hơn trước. Công ty đã ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, thực hiện sửa chữa thiết bị, chế độ vận hành hợp lý và không ngừng tăng cường đầu tư mới, nâng cấp cải tiến máy móc thiết bị, đã tăng năng suất và huy động tối đa công suất của thiết bị để đáp ứng nhu cầu thị trường tăng cao, hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận cho Công ty.

Thuận lợi và khó khăn của Công ty:

Thuận lợi

– Tốc độ tăng trưởng kinh tế của cả nước tăng trưởng ở mức cao và ổn định; các dự án lớn đầu tư của nhà nước tại địa bàn mà Công ty đã có chỗ đứng triển khai đồng loạt đã làm cho nhu cầu về xi măng tăng nhanh và ổn định, là điều kiện thuận lợi cho việc tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

– Là đơn vị đã thực hiện kinh doanh theo mô hình Nhà phân phối hơn 5 năm vì vậy có hệ thống khách hàng ổn định, đặc biệt tại địa bàn Bắc trung Bộ, miền Trung và Tây Nguyên. Với chính sách kinh doanh mở hiện nay của Tổng công ty thì việc vận hành kinh doanh thuận lợi hơn, tạo tâm lý an tâm cho khách hàng.

– Xi măng Hoàng Mai được hệ thống các nhà thầu tin tưởng sử dụng vào các dự án trọng điểm quốc gia, đặc biệt là hệ thống các công trình thủy điện tại bắc Trung Bộ, miền

trung và Tây Nguyên.

- Công suất sản xuất thực tế sau khi nâng cao năng suất lò nung thêm 10% đã vận hành ổn định, đảm bảo đạt sản lượng sản xuất clinker với chất lượng tốt. Là cơ sở để Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh các năm tiếp theo sau khi cổ phần hoá.
- Thiết bị của Công ty được đầu tư mới nên hoạt động ổn định và chi phí sửa chữa lớn hàng năm là thấp so với các nhà máy thuộc Tổng công ty.
- Đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ và kinh nghiệm đang được từng bước đào tạo, đào tạo lại phù hợp với nhu cầu của tình hình mới.
- Việc hội nhập AFTA và WTO mang lại những cơ hội tốt để Hoàng Mai tiếp thu được trình độ quản lý tiên tiến, tiếp cận tiến bộ về khoa học kỹ thuật và công nghệ mới.
- Được sự hỗ trợ của các Ngân hàng và Bộ Tài chính.

Khó khăn

- Địa bàn đứng chân của Công ty xa các địa chỉ tiêu thụ lớn vì vậy chi phí vận chuyển là khá cao, khó cạnh tranh với các thương hiệu mới ra đời có vị trí địa lý thuận lợi hơn.
- Chi phí tài chính hàng năm tương đối lớn do dự án được đầu tư bằng vốn vay (trước khi cơ cấu lại tài chính để cổ phần hoá) đã ảnh hưởng đến giá thành tổng hợp, ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đặc biệt nguồn vốn vay bằng đồng Euro (trước khi trả nợ trước hạn) lớn và tỷ giá Euro liên tục tăng cao đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ.
- Là nhà máy mới, được đầu tư bằng vốn vay nên tổng giá trị tài sản còn cao, làm cho chi phí khấu hao hàng năm lớn, ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Lực lượng lao động đủ trình độ nhưng trình độ không đồng đều, cần nhiều thời gian cho việc đào tạo, bố trí lại. Mặt khác, do Công ty đặt tại địa bàn xa khu vực trung tâm, nên việc thu hút chất xám gặp nhiều khó khăn.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Theo tiến trình hội nhập, mở cửa của thị trường xi măng Việt Nam thì hiện nay clinker và xi măng không còn nằm trong danh mục các mặt hàng cần có giấy phép khi nhập khẩu và mức thuế nhập khẩu clinker chỉ được tính mức tối đa là 5%. Do vậy, khả năng thâm nhập thị trường Việt Nam của các nhà xuất khẩu clinker và xi măng trong khu vực Đông Nam Á là rất lớn.

Tuy nhiên việc thuê tàu thủy khó khăn, mặt khác, clinker là mặt hàng bụi, nặng nên cước vận chuyển cao. Việc nhập khẩu clinker về Việt Nam sẽ có giá cao, do đó clinker chỉ có thể được nhập khẩu về khi nhu cầu trong nước quá cao mà nguồn cung không thể đáp ứng.

Từ năm 2009 trở đi, theo tính toán thị trường tiêu thụ xi măng trong nước sẽ cân bằng với năng lực sản xuất của ngành công nghiệp xi măng. Theo dự báo của Hiệp hội xi măng Việt Nam, với đà phát triển mạnh như hiện nay, đến 2010-2012, sản lượng xi măng trong nước sẽ đạt trên 60 triệu tấn, khả năng ngành xi măng cung sẽ vượt cầu khoảng 10 đến 12 triệu tấn.

Hiện nay, thị trường xây dựng đang được hỗ trợ bởi những nhận xét tích cực từ thị trường Bất động sản và áp lực lạm phát giảm làm tăng cơ sở để ngân hàng hạ lãi suất cho

vay. Dòng vốn FDI đổ vào bất động sản tăng dự kiến nhu cầu xây dựng sẽ tăng trong thời gian tới. Trước mắt thị phần xi măng trong nước có thể được giữ nguyên đến năm 2010, do có một số dự án có thể không hoàn thành đúng tiến độ do thiếu vốn, còn các thương hiệu mới cần một vài năm để thâm nhập thị trường và tạo chỗ đứng thương hiệu. Bên cạnh đó việc tăng giá xi măng xuất xưởng sẽ sớm thành hiện thực. Giá xi măng xuất xưởng tăng có thể khiến giá xi măng dao động nhưng mức ảnh hưởng sẽ không nhiều do thời gian qua các nhà phân phối đã hưởng mức chênh lệch tương đối nhiều cho nên họ sẽ phải giảm bớt lợi nhuận để đảm bảo sức tiêu thụ. Trong ngắn hạn các Công ty trong ngành xi măng khó có thể đạt được mục tiêu lợi nhuận nhưng về dài hạn ngành xi măng sẽ được hưởng lợi từ sự phát triển của lĩnh vực xây dựng và cơ sở hạ tầng.

Bảng Dự báo các chỉ tiêu kinh tế ngành xi măng giai đoạn 2009 - 2010

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2009	Năm 2010
1	Nhu cầu xi măng	Triệu tấn	44,5	49,4
2	Tăng trưởng tiêu thụ xi măng	% năm	11,0	11,0
3	Năng lực sản xuất trong nước	Triệu tấn	44,8	51,8
4	Thừa (+), thiếu (-)	Triệu tấn	0,4	2,4

(Nguồn: Quyết định số 108/2005/QĐ-TTg ngày 16/05/2005 của Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch phát triển ngành xi măng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020)

8.3. Dự báo thị trường xi măng khu vực

Xi măng Việt Nam phải đương đầu với sức ép về khả năng cạnh tranh gay gắt không những giữa các Doanh nghiệp trong nước, các liên doanh mà cả với các nguồn xi măng nhập khẩu từ phía các nước thành viên ASEAN, Trung Quốc.

Giai đoạn 2006 - 2011 là thời kỳ hội nhập đầy đủ vào khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) và WTO, cạnh tranh sẽ gay gắt hơn, đòi hỏi tính chuyên nghiệp cao hơn trên một sân chơi bình đẳng và thực sự khẳng định vị thế cạnh tranh của mỗi thành viên.

Giá clinker nhập khẩu dự kiến sẽ tiếp tục tăng, chi phí vận tải quốc tế tăng, chi phí nguyên liệu đầu vào có nguồn gốc nhập khẩu cũng sẽ tăng theo, hệ quả là giá thành xi măng tăng trong khi giá bán phải tính tới khả năng cạnh tranh với các nước trong khu vực.

Dự báo mức tăng thêm trong cung ứng xi măng cả nước trong giai đoạn từ 2007 đến 2010 bình quân mỗi năm tăng 7 triệu tấn. Nhu cầu cả nước dự báo tăng bình quân 4,2 triệu tấn/năm. Tổng cung xi măng vào năm 2010 đạt khoảng 51,8 triệu tấn so với tổng cầu 49,4 triệu tấn.

9. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Một trong những lợi thế cạnh tranh của Xi măng Hoàng Mai so với các công ty khác trong cùng ngành đó là nguồn nhân lực.

Ban lãnh đạo: Ban lãnh đạo của Công ty không những có trình độ chuyên môn cao mà còn có năng lực quản lý, giàu kinh nghiệm và tâm huyết với Công ty.

Người lao động: Người lao động của Công ty năng động, sáng tạo, được đào tạo thường xuyên, đoàn kết và gắn bó với Công ty. Tính đến thời điểm ngày 31/3/2009, tổng số lao động của Công ty là 991 người.

CƠ CẤU LAO ĐỘNG TRONG TOÀN CÔNG TY

Cán bộ	Tại 31/12/2008		Tại 31/3/2009	
	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
I. Phân theo trình độ lao động	1.006	100%	991	100%
1. Trình độ trên đại học	0	0,0%	0	0,0%
2. Trình độ đại học	186	18,4%	181	18,3%
3. Trình độ cao đẳng, trung cấp	164	16,3%	161	16,2%
4. Công nhân kỹ thuật	545	54,1%	540	54,5%
5. Sơ cấp	4	0,3%	4	0,4%
6. Lao động khác	107	10,6%	105	10,6%
II. Phân theo tính chất hợp đồng lao động	1.006	100%	991	100%
1. Lao động hợp đồng thời hạn từ 1 đến 3 năm	75	7,4%	917	92,5%
2. Lao động không xác định thời hạn	930	92,4%	74	7,4%
3. Lao động trong thời gian thử việc	1	0,09%	0	0,0%

Nguồn: Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai

9.2. Chính sách đối với người lao động

Đối với Xi măng Hoàng Mai, người lao động là tài nguyên, là động lực của quá trình sản xuất kinh doanh. Do đó, nhân tố con người được Xi măng Hoàng Mai chú trọng đầu tư rất lớn. Bên cạnh chế độ đãi ngộ với mức lương hấp dẫn, Công ty luôn tạo môi trường làm việc đoàn kết và cạnh tranh để người lao động phát huy hết khả năng sáng tạo, tính năng động và góp phần hiệu quả vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

a. Chính sách tuyển dụng:

Tùy thuộc vào khả năng phát triển và mở rộng đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh trong tương lai, Công ty sẽ có kế hoạch tuyển dụng lao động thích hợp.

b. Chính sách đào tạo:

Công tác đào tạo luôn được quan tâm nhằm xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ công nhân kỹ thuật đủ năng lực vận hành và sửa chữa thiết bị, đội ngũ cán bộ làm công tác thị trường nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Năm 2008, Công ty đã tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho 628 lượt người, tổng số lượt người được đào tạo là 1653, đào tạo lại là 139 và đào tạo chuyển đổi nghề là 73 lượt người bao gồm các lớp như: quản lý nhân sự, bồi dưỡng nâng bậc thợ công nhân vận hành, công nhân cơ khí, công nhân nề, công nhân xây gạch lò; huấn luyện về an toàn lao động - vệ sinh lao động

Bên cạnh việc chú trọng việc đào tạo, nâng cao trình độ nghiệp vụ, tay nghề cho cán bộ công nhân viên Công ty còn thực hiện nghiêm túc kỷ luật lao động. Bằng cách đưa ra các chế độ thưởng phạt nghiêm minh trong lao động, Công ty đã khuyến khích được năng lực và trí tuệ của người lao động, tạo điều kiện để người lao động gắn liền với quyền lợi của người lao động, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển..

c. Chế độ làm việc

Công ty thực hiện chế độ lao động theo Luật Lao động và các quy định của Pháp luật.

Về điều kiện làm việc: văn phòng làm việc, nhà xưởng được thiết kế khang trang, thoáng mát. Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

d. Chính sách lương, thưởng, trợ cấp cho người lao động**Chính sách lương, thưởng:**

Luôn quan tâm, đảm bảo kết hợp hài hòa giữa lợi ích của Công ty với lợi ích của người lao động, Công ty đã xây dựng chính sách lương dựa trên tiêu chí về hiệu quả lao động và vị trí công việc phù hợp với đặc thù của ngành, nghề nghiệp kinh doanh cũng như khuyến khích được người lao động nâng cao năng suất và chất lượng lao động.

Chính sách trợ cấp:

Căn cứ vào thành tích của cá nhân, tập thể trong hoạt động lao động sản xuất, Công ty thường xuyên xét duyệt thưởng định kỳ, đột xuất, tạo động lực khuyến khích người lao động trong Công ty hăng say làm việc, cống hiến hết mình cho mục tiêu phát triển của Công ty.

Chính sách phúc lợi:

Công ty thực hiện các chế độ đảm bảo xã hội cho người lao động theo Luật lao động. Hàng năm, Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV, tạo điều kiện cho công nhân viên viên đi nghỉ mát, nâng cao tinh thần và rèn luyện sức khỏe. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên quan tâm đến gia đình của người lao động, như tặng quà những người cao tuổi, khen

thường con em của CBCNV đạt thành tích cao trong học tập... hướng Công ty thành đại gia đình của người lao động.

Chính sách thu hút người lao động:

Với mức thu nhập khá, môi trường làm việc tốt cùng với các chính sách đãi ngộ khác, Xi măng Hoàng Mai đã thu hút được nguồn nhân lực đông đảo, có trình độ cao. Các thành viên mới được huấn luyện kỹ về chuyên môn và bản sắc Xi măng Hoàng Mai ngay từ những ngày đầu để phù hợp với văn hóa Công ty.

Xi măng Hoàng Mai xác định: để tiếp tục tồn tại và phát triển trong quá trình hội nhập, trong khi máy móc thiết bị công nghệ gần như giống nhau giữa các doanh nghiệp thì yếu tố tạo nên sự cạnh tranh sẽ là con người. Chính vì thế, Công ty luôn chú trọng đầu tư phong trào học tập cho CBCNV nhằm tiếp cận khoa học, công nghệ và tri thức mới.

10. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo qui định của pháp luật, ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Cổ đông sẽ được chia cổ tức theo phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh cho phép Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo từng thời gian một lần. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2009 số 01/2009/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/3/2009 đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2008 của Công ty là 48.600 triệu đồng (tương đương với tỷ lệ 6,75%).

11. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Do Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh vào ngày 01/4/2008 nên niên độ kế toán đầu tiên của Công ty được tính từ ngày 01/4/2008 đến 31/12/2008. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Công văn

số 8153/TC/TCĐN ngày 11/03/2003 của Bộ Tài chính, về việc điều chỉnh thời gian trích khấu hao của máy móc thiết bị dây chuyền sản xuất chính lên tối đa là 15 năm.

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị của nhãn hiệu hàng hóa và các chương trình phần mềm về quản lý và kế toán. Giá trị nhãn hiệu hàng hóa được hình thành qua xác định lại giá trị doanh nghiệp và được phê duyệt tại Quyết định số 1709/QĐ-XMLVN ngày 12/10/2007 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xi măng Việt Nam về giá trị doanh nghiệp để Cổ phần hoá Công ty Xi măng Hoàng Mai. Nhãn hiệu hàng hóa và các chương trình phần mềm được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tương ứng là 20 năm và 04 năm.

Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

- Nhà xưởng, vật kiến trúc: 10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị: 5 - 15 năm
- Phương tiện vận tải: 8 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý: 5 - 15 năm
- Phần mềm: 4 năm
- Nhãn hiệu hàng hóa: 20 năm

Mức lương bình quân

Tính đến thời điểm 31/12/2008, mức thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động tại Công ty là 4.891.734 đồng, đây là mức thu nhập tương đối cao so với doanh nghiệp cùng ngành cũng như các doanh nghiệp trong cùng địa phương.

S TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2007	31/12/2008	%+/- năm 2008 so với 2007
1	Tổng quỹ lương	Đồng	49.155.086.171	56.809.581.330	115,57%
2	Các khoản thưởng	Đồng	1.966.203.447	2.536.945.000	129,03%
3	Tổng thu nhập	Đồng	52.752.249.617	59.346.526.330	112,50%
4	Tiền lương bình quân	Đồng/tháng	3.868.043	4.682.622	121,06%
5	Thu nhập bình quân	Đồng/tháng	4.151.106	4.891.734	117,84%

Nguồn: Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào Báo cáo kiểm toán từ thời điểm 1/4/2008 đến 31/12/2008, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

Số nợ đến hạn trả trong năm 2009 theo Báo cáo kiểm toán cho kỳ hoạt động từ 01/4/2008 đến 31/12/2008 của Công ty là 255.861.196.388 đồng, cụ thể như sau:

Chủ nợ/Hợp đồng	Đơn vị tính	Lãi suất	Nguyên tệ	Quy đổi ra VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam				45.000.000.000
<i>Hợp đồng số 02-2000/HĐ-TDNH</i>	<i>VND</i>	<i>5,4%/năm</i>	<i>45.000.000.000</i>	<i>45.000.000.000</i>
Ngân hàng Công thương Việt Nam				48.200.440.000
<i>Hợp đồng số 09</i>	<i>VND</i>	<i>0,65%/tháng</i>	<i>19.000.000.000</i>	<i>19.000.000.000</i>
<i>Hợp đồng số 18</i>	<i>USD</i>	<i>7%/năm</i>	<i>220.000</i>	<i>3.734.940.000</i>
<i>Hợp đồng số 505</i>	<i>USD</i>	<i>7%/năm</i>	<i>1.500.000</i>	<i>25.465.500.000</i>
Societe Generale	EUR	6,09%/năm	4.924.441,61	116.067.661.366
Marubeni Hongkong Ltd	USD	Libor + 1,875%/năm	2.554.484,58	43.367.484.715
Quỹ Phát triển kinh tế Ả rập	USD	3,5%/năm	189.998,84	3.225.610.307
Cộng				255.861.196.388

Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế VAT, thuế tài nguyên, thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế, phí, lệ phí khác theo quy định của Nhà nước.

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước tại thời điểm 31/12/2008 và 31/3/2009:

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2008 (VND)	Tại 31/3/2009 (VND)
Thuế Giá trị gia tăng	6.702.465.640	14.935.351.890
Thuế thu nhập cá nhân	117.165.876	19.533.848
Thuế tài nguyên	369.802.192	495.751.875
Thuế nhà đất	63.048.663	63.048.663
Các loại thuế khác	142.215.391	4.129.108
Các khoản phải nộp khác	459.005.298	433.840.213
Cộng	7.853.703.060	15.951.655.597

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán cho kỳ hoạt động 01/4/2008-31/12/2008 và Báo cáo tài chính Quý I/2009)

Trích lập các quỹ

Sau khi kết thúc niên độ tài chính, Công ty tiến hành trích lập các quỹ trên cơ sở từ lợi nhuận sau thuế đạt được. Các quỹ như: Quỹ đầu tư phát triển; Quỹ dự phòng tài chính; Quỹ khen thưởng; phúc lợi; Thù lao, khen thưởng của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát sẽ do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định tỷ lệ trích lập tùy theo kết quả kinh doanh trong năm sản xuất và mục tiêu phát triển của Công ty. Tại thời điểm 31/12/2008 chưa tiến hành trích lập các quỹ, tuy nhiên tại Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức vào ngày 31/3/2009 đã thông qua phương án trích lập các quỹ như sau:

DỰ KIẾN TRÍCH LẬP CÁC QUỸ NĂM 2008

Chỉ tiêu	Dự kiến (VND)	Tỷ lệ so với LNST (Năm 2008)
Quỹ dự phòng tài chính	2.925.660.878	5%
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	3.000.000.000	5,13%
Tổng cộng	5.925.660.878	10,13%

Nguồn: Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2009

Tổng dư nợ vay ngắn hạn, dài hạn

Để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động phục vụ cho quá trình sản xuất và kinh doanh, Công ty sử dụng vay ngắn hạn và vay dài hạn. Hiện tại, Hoàng Mai không có các khoản phát sinh nợ quá hạn.

* Tình hình vay và nợ ngắn hạn tính đến hết ngày 31/3/2009 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, cụ thể:

Chi tiết nợ ngắn hạn	31/12/2008 (VND)	31/3/2009 (VND)
Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Nghệ An	57.356.700.091	37.285.874.023
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai	70.249.131.016	115.527.256.943
Công ty Tài chính Cổ phần xi măng	95.000.000.000	120.000.000.000
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	0	66.726.325.021
Ngân hàng Việt Nga	0	59.938.178.373
Tổng cộng:	222.605.831.107	399.477.634.360

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán cho kỳ hoạt động 01/4/2008 - 31/12/2008 và Báo cáo tài chính Quý I/2009 của Công ty)

* Tình hình vay nợ dài hạn tính đến hết ngày 31/3/2009 nhằm mục đích thực hiện đầu tư dự án Nhà máy xi măng Hoàng Mai, cụ thể:

Đơn vị tính: VNĐ

T T	Khoản mục	Thời hạn vay (năm)	Lãi suất/năm	Số dư tại 01/4/2008	Số dư tại 31/12/2008	Số đến hạn trả trong năm 2009	Số dư tại 31/03/2009
	Vay bằng đồng VNĐ						
1	Ngân hàng ĐT & PT Việt Nam	10	5,4%	143.351.233.604	98.351.555.571	45.000.000.000	98.351.555.571
2	Ngân hàng Công thương Việt Nam	9	7,8%	55.327.733.251	36.327.733.252	19.000.000.000	36.327.733.252
3	Bộ Tài chính	10	7,8%	551.434.269.043	551.434.269.043		551.434.269.043
	Vay bằng ngoại tệ						
1	Ngân hàng Công thương Việt Nam	10	7%	126.341.681.701	105.191.961.643	29.200.440.000	105.191.961.643
2	Societe Generale	10	6,09%	122.640.411.116		116.067.661.366	
3	Marubeni HongKong Ltd	10	Libor +1,875%	122.308.722.329	86.734.970.108	43.367.484.715	86.734.970.108
4	Quỹ phát triển kinh tế Á Rập	14	3,5%	30.304.856.689	29.010.326.970	3.225.610.307	29.010.326.970
	Tổng cộng			1.151.708.907.733	907.050.816.587	255.861.196.388	907.050.816.587

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán cho kỳ hoạt động 01/4/2008 - 31/12/2008 và Báo cáo tài chính Quý I/2009 của Công ty)

Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản phải thu:

Chỉ tiêu	31/12/2008 (VNĐ)		31/3/2009 (VNĐ)	
	Tổng số	Quá hạn	Tổng số	Quá hạn
Phải thu của khách hàng	104.575.633.418	0	156.209.752.418	0
Trả trước cho người bán	3.738.520.130	0	4.062.314.234	0
Thuế GTGT được khấu trừ	0	0	0	0
Phải thu nội bộ	0	0	0	0
Phải thu khác	357.164.917	0	177.518.855	0
Dự phòng phải thu khó đòi	(413.235.953)		(413.235.953)	
Tổng cộng	108.258.082.512	0	160.036.349.554	0

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán cho kỳ hoạt động 01/4/2008-31/12/2008; Báo cáo Tài chính Quý I/2009 của Công ty)

Các khoản phải trả:
Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008		31/03/2009	
	Tổng số	Quá hạn	Tổng số	Quá hạn
I. Nợ ngắn hạn	685.147.357.161	0	718.880.619.355	0
Vay và nợ ngắn hạn	478.467.027.495	0	495.084.353.872	0
Phải trả cho người bán	72.557.270.805	0	78.756.610.944	0
Người mua trả tiền trước	1.548.342.868	0	1.834.929.575	0
Các khoản thuế phải nộp	7.853.703.060	0	15.951.655.597	0
Phải trả CB CNV	7.838.454.443	0	617.396.965	0
Chi phí phải trả	43.405.074.628	0	68.526.051.530	0
Phải trả phải nộp khác	73.477.483.862	0	58.109.620.872	0
II. Nợ dài hạn	907.050.816.587	0	907.050.816.587	0
Phải trả dài hạn nội bộ	0	0	0	0
Vay và nợ dài hạn	907.050.816.587	0	907.050.816.587	0
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	0	0	0	0
Tổng cộng	1.592.198.173.748	0	1.625.931.435.942	0

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán cho kỳ hoạt động 01/4/2008 - 31/12/2008 và Báo cáo tài chính Quý I/2009 của Công ty)

Giải trình về sự chênh lệch giữa các số liệu Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/3/2008 và 01/4/2008

Theo số liệu trên Báo cáo kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2008 – 31/3/2008 (giai đoạn trước khi chuyển sang hình thức công ty cổ phần) và kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2008 – 31/12/2008 (giai đoạn chính thức chuyển sang hình thức công ty cổ phần), có sự chênh lệch về số liệu chuyển giao giữa hai kỳ kế toán tại ngày 31/3/2008 và 01/4/2008. Cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	31/3/2008	01/4/2008	Chênh lệch	Ghi chú
Tổng cộng tài sản	2.424.116.318.993	2.424.299.017.855	182.698.862	(1)
Tổng cộng nguồn vốn	2.424.116.318.993	2.424.299.017.855	182.698.862	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	330.353.120.189	74.211.072.348	(256.142.047.841)	(2)
Nguồn vốn chủ sở hữu	452.610.916.715	708.752.964.556	256.142.047.841	

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán kỳ hoạt động 01/01/2008 – 31/3/2008 và 01/4/2008-31/12/2008 của Công ty)

(1) Tổng cộng tài sản và Tổng cộng nguồn vốn tại thời điểm 01/4/2008 tăng so với thời điểm 31/3/2008 là 182.698.862 đồng do:

Công ty chuyển theo dõi phần “Tiền nhà đất, tiền thuê đất” (giá trị 182.698.862 đồng) Công ty nộp thừa đang theo dõi trên chỉ tiêu “Thuế và các khoản phải nộp nhà nước” dưới hình thức ghi âm sang chỉ tiêu “Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước”. Do vậy đã làm cho Tổng tài sản và Tổng nguồn vốn tại thời điểm 01/4/2008 cùng tăng lên một khoản là 182.698.862 đồng.

(2) Chỉ tiêu “Các khoản phải trả, phải nộp khác” tại thời điểm 31/3/2008 là 330.353.120.189 đồng (phải trả cho Tổng Công ty). Trong khi đó, theo biên bản bàn giao ngày 25.12.2008 của Tổng Công ty cho Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai, số dư phải trả cho Tổng Công ty còn lại là 74.211.072.348 đồng, chênh lệch 256.142.047.841 đồng, khoản chênh lệch trên là khoản bù trừ công nợ giữa Tổng Công ty và Công ty CP Xi măng Hoàng Mai.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ hoạt động từ 01/4/2008 đến 31/12/2008
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,68
	- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,23
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
	- Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,67
	- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,00
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
	- Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,35
	- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	2,25
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi		
	- Hệ số LN sau thuế/DT thuần	%	7,05
	- Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	7,34
	- Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	%	2,45
	- Hệ số LN từ hoạt động SXKD/DT thuần	%	10,34

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai)

12. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC**12.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị****❖ Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Họ và tên: TẠ QUANG BỬU

Giới tính: nam nữ

Ngày tháng năm sinh: 02 - 09 - 1955

Nơi sinh: Diễn Châu - Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Diễn Châu - Nghệ An

Số CMND : 180129681 Ngày cấp: 28/02/2005. Nơi cấp : Công an Nghệ An

Địa chỉ thường trú: 804 - 204T2, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.38512425

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
1972 - 1974	Tham gia kháng chiến chống Mỹ
1974 - 1990	Đi học, làm cán bộ kỹ thuật, cán bộ tổ chức tại Nghệ An
1990 - 1997	Giám đốc Công ty xây dựng 7 Nghệ An
1997 - 1998	Phó Giám đốc Sở xây dựng Nghệ An
1998 - 2004	Giám đốc Công ty Xi măng Hoàng Mai
2004 - đến nay	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CN Xi măng Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT, phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam.

Số cổ phiếu đại diện Tổng công ty : 16.891.800 cổ phiếu

Số cổ phiếu nắm giữ của bản thân : 0 cổ phiếu

Những người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ trong Công ty (CP)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Tổng cộng			

Hành vi vi phạm pháp luật : Không.

Các khoản nợ đối với Công ty : Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty : Không.

❖ Thành viên Hội đồng quản trị - Ông Nguyễn Hữu Quang

Họ và tên: NGUYỄN HỮU QUANG

Giới tính: nam nữ

Ngày tháng năm sinh: 01 - 05 - 1962

Nơi sinh: Nghi Lộc - Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán : Nghệ An

Số CMND : 012878662.

Ngày cấp : 26/5/2006

Nơi cấp : Công an Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Số 81, ngõ Lương Sứ C, Văn Chương, Đống Đa, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc : 0913 274 412

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ công tác
5/1983 - 10/1990	Công tác tại Công ty Xi măng Hoàng Thạch (Kỹ thuật viên; trưởng ca; Phó quản đốc phụ trách xưởng Xi măng)
10/1990 - 12/2000	Công tác tại Tổng công ty Xi măng Việt Nam (Chuyên viên; Thư ký Tổng Giám đốc; Phó Chánh văn phòng; Chánh văn phòng; Trưởng phòng Quan hệ quốc tế)
01/2001 - đến nay	Công tác tại Công ty Xi măng Hoàng Mai (Phó Giám đốc, Giám đốc công ty; Ủy viên HĐQT; Ủy viên BCH Đảng bộ TCT CN Xi măng Việt Nam; Ủy viên BCH Đảng Bộ, Bí thư Đảng ủy Công ty CP Xi măng Hoàng Mai; Đại biểu HĐND tỉnh Nghệ An khóa XV; Đại biểu Quốc hội khóa XII)

Chức vụ công tác hiện nay : Ủy viên HĐQT, Giám đốc công ty.

Số cổ phần đại diện Tổng công ty : 14.400.000 cổ phiếu

Số cổ phiếu nắm giữ của bản thân : 22.400 cổ phiếu

Những người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ trong Công ty (CP)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Nguyễn Thị Thanh Hiền	Vợ	10.000	0.01
Tổng cộng		10.000	0,01

Hành vi vi phạm pháp luật : Không.

Các khoản nợ đối với Công ty : Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không.

❖ Thành viên Hội đồng quản trị - Ông Nguyễn Công Hòa

Họ và tên: NGUYỄN CÔNG HÒA

Giới tính: nam nữ

Ngày tháng năm sinh: 06 - 01 - 1958

Nơi sinh: Phúc Thọ - Nghi Lộc - Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Nghi Lộc - Nghệ An

Số CMND : 186528789 Ngày cấp : 27/10/2006 Nơi cấp : Công an Nghệ An

Địa chỉ thường trú: Công ty CP Xi măng Hoàng Mai, Thị trấn Hoàng Mai, Huyện Quỳnh Lư, Tỉnh Nghệ An

Số điện thoại liên lạc : 0989 547 127

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Chế tạo máy

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
1982 - 1985	Công tác tại Công ty Xi măng Bim Sơn, Thanh Hóa
1985 - 1990	Thực tập sinh tại Tiệp Khắc
1990 - 1996	Kỹ thuật viên VP cơ khí trưởng Công ty Xi măng Bim Sơn
1996 - 1997	Phó giám đốc xưởng sửa chữa Công ty Xi măng Bim Sơn
1997 - 2001	Phó phòng Vật tư, Công ty Xi măng Bim Sơn
2001 - 2004	Trưởng phòng Vật tư, Công ty Xi măng Hoàng Mai
2004 - 2006	Trưởng phòng Cơ điện, Công ty Xi măng Hoàng Mai
2006 - đến nay	Phó giám đốc, Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty.

Số cổ phiếu đại diện Tổng công ty: 3.960.000 cổ phiếu

Số cổ phiếu nắm giữ của bản thân: 5.000 cổ phiếu

Những người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ trong Công ty(CP)	Tỷ lệ nắm giữ(%)
Tổng cộng			

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

❖ Thành viên Hội đồng quản trị - Ông Đặng Tăng Cường

Họ và tên: ĐẶNG TĂNG CƯỜNG

Giới tính: nam nữ

Ngày tháng năm sinh: 07 - 07 - 1953

Nơi sinh: Nam Trực - Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Nam Trực - Nam Định

Số CMND :010413614 Ngày cấp: 24/05/2007 Nơi cấp : CA Hà Nội

Địa chỉ thường trú: 110 - Tập thể B4 - Khương Thượng - Phường Trung Tự - Q.Đống Đa - Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 0913 274 413

Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành kinh tế.

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
1971 - 1975	Tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam
1976 - 1981	Sinh viên khoa kỹ sư kinh tế Đại học Bách Khoa Hà Nội
1982 - 2000	Chuyên viên; Phó phòng; Trưởng phòng Tổng Công ty CN Xi măng Việt Nam
2001 - đến nay	Phó giám đốc Công ty cổ phần Xi măng Hoàng Mai

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT, phó giám đốc Công ty.

Số cổ phiếu đại diện Tổng công ty: : 3.960.000 cổ phiếu

Số cổ phiếu nắm giữ của bản thân : 5.000 cổ phiếu

Những người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ trong Công ty(CP)	Tỷ lệ nắm giữ(%)
Tổng cộng			

Hành vi vi phạm pháp luật : Không.

Các khoản nợ đối với Công ty : Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không.

❖ Thành viên Hội đồng quản trị - Ông Hoàng Xuân Vinh

Họ và tên: HOÀNG XUÂN VINH

 Giới tính: nam nữ

Ngày tháng năm sinh: 20 - 08 - 1959

Nơi sinh: Đức Long - Đức Thọ - Hà Tĩnh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán : Đức Long - Đức Thọ - Hà Tĩnh

Số CMND : 141617419 Ngày cấp : 25/04/2007 Nơi cấp: Công an Hải Dương

Địa chỉ thường trú: Thị trấn Minh Tân - Kim Môn - Hải Dương.

Số điện thoại liên lạc: 0903 499 155

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa Silicat

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
1982 - 1988	Phòng ĐHTT Công ty Xi măng Hoàng Thạch, Hải Dương
1988 - 1989	Phó phòng ĐHTT Công ty xi măng Hoàng Thạch
1989 - 2000	Phó quản đốc xưởng Nguyên liệu Công ty Xi măng Hoàng Thạch
2001 - 2003	Trưởng phòng Công nghệ, Công ty Xi măng Hoàng Mai
2004 - đến nay	Phó giám đốc, Công ty cổ phần Xi măng Hoàng Mai

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT, phó giám đốc công ty.

Số cổ phiếu đại diện Tổng công ty: : 3.960.000 cổ phiếu

Số cổ phiếu nắm giữ của bản thân : 2.500 cổ phiếu

Những người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ trong Công ty(CP)	Tỷ lệ nắm giữ(%)
Tổng cộng			

Hành vi vi phạm pháp luật : Không.

Các khoản nợ đối với Công ty : Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không.

❖ Thành viên Hội đồng quản trị - Ông Phạm Hoàng Sơn

Họ và tên: PHẠM HOÀNH SƠN

Giới tính: nam nữ

Ngày tháng năm sinh: 04 - 12 - 1972

Nơi sinh: Đức Thọ - Hà Tĩnh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán : Đức Thọ - Hà Tĩnh

Số CMND : 183133752

Ngày cấp : 20/03/2007

Nơi cấp: Công an Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú: Trung Lễ - Đức Thọ - Hà Tĩnh

Số điện thoại liên lạc: 0988 149 999

Trình độ chuyên môn: Quản lý kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
1990 - 1995	Học tại trường Quản lý Kinh tế
1996 - 2003	Phó Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Sơn
2003 - 2008	Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Sơn
2008 - đến nay	Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Sơn; Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Xi măng Hoàng Mai

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT

Số cổ phiếu đại diện Tổng công ty: : 0 cổ phiếu

Số cổ phiếu nắm giữ của bản thân : 250.000 cổ phiếu

Những người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ trong Công ty(CP)	Tỷ lệ nắm giữ(%)
Tổng cộng			

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

❖ Thành viên Hội đồng quản trị - Ông Nguyễn Quốc Việt

Họ và tên: NGUYỄN QUỐC VIỆT

Giới tính: nam nữ

Ngày tháng năm sinh: 17 - 06 - 1972

Nơi sinh: Thanh Chương - Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán : Thanh Chương - Nghệ An

Số CMND : 181791170 Ngày cấp : 09/10/2006 Nơi cấp: Công an Nghệ An

Địa chỉ thường trú: Công ty cổ phần Xi măng Hoàng Mai - Thị trấn Hoàng Mai, Quỳnh Lư, Nghệ An

Số điện thoại liên lạc : 0912 275 279

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
1995 - 1996	Công tác tại nhà máy dệt kim Hoàng Thị Loan
1996 - 1998	Công tác tại Phòng TCKT - Công ty Xi Măng Hoàng Mai
1998 - 2005	Phó phòng TCKT - Công ty Xi măng Hoàng Mai
2005 - 2006	Phụ trách phòng TCKT - Công ty Xi măng Hoàng Mai
2006 - 2007	Trưởng phòng TCKT - Công ty Xi măng Hoàng Mai
2007 - đến nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Xi măng Hoàng Mai

Chức vụ công tác hiện nay : Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty.

Số cổ phiếu đại diện Tổng công ty : 3.960.000 cổ phiếu

Số cổ phiếu nắm giữ của bản thân : 5.200 cổ phiếu

Những người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ trong Công ty(CP)	Tỷ lệ nắm giữ(%)
Tổng cộng			

Hành vi vi phạm pháp luật : Không.

Các khoản nợ đối với Công ty : Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không.

12.2. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát**❖ Trưởng Ban kiểm soát - Bà Nguyễn Thị Huệ**

Họ và tên: NGUYỄN THỊ HUỆ

Giới tính: nam nữ

Ngày tháng năm sinh: 12 - 10 - 1961

Nơi sinh: Thái Thụy - Thái Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thái Thụy - Thái Bình

Số CMND : 012315074 Ngày cấp : 03/01/2000 Nơi cấp: Công an Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Số 17 – gác 318/91, Đê La Thành, Đống Đa, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 0912 385 598

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
1984 - 1993	Chuyên viên phòng Kế toán Công ty Xi măng Hoàng Thạch
1993 - 1998	Phó phòng Kế toán Công ty Xi Măng Hoàng Thạch
1998 - 02/2008	Ủy viên Ban kiểm soát Tổng Công ty CN Xi măng Việt Nam
03/2008 - đến nay	Ủy viên Ban kiểm soát Tổng Công ty CN Xi măng Việt Nam – Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xi măng Hoàng Mai

Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Xi măng Hoàng Mai

Số cổ phiếu đại diện Tổng công ty : 3.960.000 cổ phiếu

Số cổ phiếu nắm giữ của bản thân : 100 cổ phiếu

Những người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ trong Công ty(CP)	Tỷ lệ nắm giữ(%)
Tổng cộng			

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không.

❖ Thành viên Ban Kiểm soát - Ông Nguyễn Huy Vinh

Họ và tên: NGUYỄN HUY VINH

 Giới tính: nam nữ

Ngày tháng năm sinh: 14 - 07 - 1959

Nơi sinh: Diễn Châu - Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Diễn Châu - Nghệ An

Số CMND: 182002244

Ngày cấp: 12/02/1992

Nơi cấp: Công an Nghệ An

Địa chỉ thường trú: Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai - Thị trấn Hoàng Mai, Quỳnh Lư, Nghệ An

Số điện thoại liên lạc: 0913 275 320

Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngành Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
1980 - 1983	Cán bộ Ban kiến thiết vùng lúa An Biên – Bộ Công nghiệp và Nông nghiệp thực phẩm
1983 - 1992	Trưởng phòng XDCCB, Trưởng phòng Kế hoạch Nông trường Quốc doanh Thanh niên
1992 - 1998	Phó phòng, Trưởng phòng Kế hoạch Nhà máy Chế biến nông sản thực phẩm Nghĩa Đàn, Nghệ An
1999 – 2008	Phó trưởng phòng Kế hoạch, Phó trưởng phòng Tổ chức - Công ty cổ phần Xi măng Hoàng Mai, Ủy viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xi măng Hoàng Mai

Chức vụ công tác hiện nay: Phó trưởng phòng Tổ chức, Ủy viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai

Số cổ phiếu đại diện Tổng công ty : 0 cổ phiếu

Số cổ phiếu nắm giữ của bản thân : 1.000 cổ phiếu

Những người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ trong Công ty(CP)	Tỷ lệ nắm giữ(%)
Tổng cộng			

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

❖ **Thành viên Ban kiểm soát - Ông Lê Văn Chiên**

Họ và tên: LÊ VĂN CHIÊN

Giới tính: nam nữ

Ngày tháng năm sinh: 15 - 04 - 1958

Nơi sinh: Diễn Hùng, Diễn Châu, Nghệ An;

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Quê quán: Diễn Hùng, Diễn Châu, Nghệ An

Số CMND: 141174632 Ngày cấp: 22/06/2007 Nơi cấp: CA Hải Dương

Địa chỉ thường trú: Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai - Thị trấn Hoàng Mai, Quỳnh Lưu, Nghệ An

Số điện thoại liên lạc: 0912193113

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Tự động hóa

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
1980-2004	Công tác tại Xưởng điện - Điện tử Công ty Xi măng Hoàng Thạch, Hải Dương
2004-2008	Quản đốc Xưởng Điện - TĐH Công ty CP Xi măng Hoàng Mai
12/2008 – nay	Phó phòng Cơ điện - Công ty CP Xi măng Hoàng Mai

Chức vụ công tác hiện nay: Phó phòng Cơ điện - Công ty CP Xi măng Hoàng Mai, Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai

Số cổ phiếu đại diện Tổng công ty : 0 cổ phiếu

Số cổ phiếu nắm giữ của bản thân : 2.700 cổ phiếu

Những người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ trong Công ty(CP)	Tỷ lệ nắm giữ(%)
Nguyễn Thị Hải Yến	Vợ	7 300	0,01
Tổng cộng		7 300	0,01

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : không

❖ Thành viên Ban kiểm soát - Ông Thái Huy Chương

Họ và tên: THÁI HUY CHƯƠNG

Giới tính: nam nữ

Ngày tháng năm sinh: 22 - 09 - 1972

Nơi sinh: Hưng Đạo - Hưng Nguyên - Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hưng Nguyên - Nghệ An

Số CMND: 186528964

Ngày cấp: 18/06/2007

Nơi cấp: Công an Nghệ An

Địa chỉ thường trú: Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai - Thị trấn Hoàng Mai, Quỳnh Lư, Nghệ An

Số điện thoại liên lạc: 0983 985 229

Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngành Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
1996 - 2007	Công tác tại Phòng Tài chính - Kế toán Công ty Xi măng Hoàng Mai
2007 - đến nay	Công tác tại Phòng Tiêu thụ - Công ty cổ phần Xi măng Hoàng Mai, Ủy viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Xi măng Hoàng Mai

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai

Số cổ phiếu đại diện Tổng công ty : 0 cổ phiếu

Số cổ phiếu nắm giữ của bản thân : 1.300 cổ phiếu

Những người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ trong Công ty(CP)	Tỷ lệ nắm giữ(%)
Ngô Thị Linh	Vợ	800	0,001
Tổng cộng		800	0,001

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

❖ Thành viên Ban kiểm soát - Ông Nguyễn Quang Điền

Họ và tên: NGUYỄN QUANG ĐIỀN

Giới tính: nam nữ

Ngày tháng năm sinh: 21 - 06 - 1977

Nơi sinh: Gia Tân - Gia Viễn - Ninh Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Ninh Bình

Số CMND: 186906194

Ngày cấp: 20/06/2007

Nơi cấp: Công an Nghệ An

Địa chỉ thường trú: Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai - Thị trấn Hoàng Mai, Quỳnh Lưu, Nghệ An

Số điện thoại liên lạc: 0982 828 774

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Silicat

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
2000 - 2001	Công tác tại Phòng ĐHTT - Công ty Xi măng Hoàng Thạch
2001 - 2006	Trưởng ca Phòng ĐHTT - Công ty Xi măng Hoàng Mai
2006 - đến nay	Phó phòng Công nghệ, Phó phòng KTSX Công ty cổ phần Xi măng Hoàng Mai, Ủy viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Xi măng Hoàng Mai

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai

Số cổ phiếu đại diện Tổng công ty : 0 cổ phiếu

Số cổ phiếu nắm giữ của bản thân : 8.700 cổ phiếu

Những người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ trong Công ty(CP)	Tỷ lệ nắm giữ(%)
Nguyễn Thị Thảo	Vợ	600	0,001
Tổng cộng		600	0,001

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

12.3. Danh sách thành viên Ban Giám đốc, Kế toán trưởng**a. Giám đốc - Ông Nguyễn Hữu Quang**

(Lý lịch trình bày tại phần 12.1 của HĐQT)

b. Phó Giám đốc - Ông Hoàng Xuân Vinh

(Lý lịch trình bày tại phần 12.1 của HĐQT)

c. Phó Giám đốc - Ông Đặng Tăng Cường

(Lý lịch trình bày tại phần 12.1 của HĐQT)

d. Phó Giám đốc - Ông Nguyễn Công Hòa

(Lý lịch trình bày tại phần 12.1 của HĐQT)

e. Kế toán trưởng - Ông Nguyễn Quốc Việt.

(Lý lịch trình bày tại phần 12.1 của HĐQT)

13. TÀI SẢN
13.1. Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2008 và 31/3/2009
GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2008
Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I.	Tài sản cố định hữu hình	2.712.617.380.469	837.034.296.948	1.875.583.083.521
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	707.292.932.893	96.282.972.811	611.009.960.082
2	Máy móc thiết bị	1.966.965.418.660	710.021.489.306	1.256.943.929.354
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	29.456.270.101	27.366.077.366	2.090.192.735
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	8.902.758.815	3.363.757.465	5.539.001.350
II.	Tài sản cố định vô hình	50.248.775.000	3.896.743.132	46.352.031.868
1	Nhãn hiệu hàng hóa	50.000.000.000	3.750.000.000	46.250.000.000
2	Phần mềm máy vi tính	111.845.000	111.845.000	
3	Tài sản cố định vô hình khác	136.930.000	34.898.132	102.031.868
Tổng cộng		2.762.866.155.469	840.931.040.080	1.921.935.115.389

Nguồn: Báo cáo kiểm toán cho kỳ hoạt động 01/4/2008 - 31/12/2008 của Công ty
GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI THỜI ĐIỂM 31/3/2009
Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I.	Tài sản cố định hữu hình	2.712.762.273.155	883.559.971.421	1.829.202.301.734
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	707.292.932.893	101.754.331.814	605.538.601.079
2	Máy móc thiết bị	1.967.088.882.775	749.991.187.677	1.217.097.695.098
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	29.456.270.101	28.255.701.671	1.200.568.430
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	8.924.187.386	3.558.750.259	5.365.437.127
II.	Tài sản cố định vô hình	50.248.775.000	4.530.301.257	45.718.473.743
Tổng cộng		2.763.011.048.155	888.090.272.678	1.874.920.775.477

Nguồn: Báo cáo tài chính Quý I/2009 của Công ty
13.2. Tình hình sử dụng đất đai, nhà xưởng

Tổng diện tích đất đai Công ty cổ phần Xi măng Hoàng Mai đang sử dụng là 2.841.631 m² đất thuê sử dụng, tiền thuê đất được trả hàng năm.

Thực trạng về đất đai của Công ty được thể hiện trong bảng kê dưới đây

DANH SÁCH ĐẤT THUÊ CỦA NHÀ NƯỚC VÀ NHÀ CỦA CÔNG TY ĐANG SỬ DỤNG

STT	Diễn giải	Diện tích đất (m ²)	Công trình trên đất	Hình thức sử dụng
1	Lô đất tại xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	324.330	Mặt bằng nhà máy	Thuê 50 năm kể từ ngày 08/06/1996 theo quyết định số 387/TTg ngày 08/06/1996 của Thủ tướng Chính phủ, HĐĐ số 27/HĐ-TĐ ngày 03/11/2003
2	Xã Quỳnh Vinh, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	159.798	Khu phụ trợ	Thuê 50 năm kể từ ngày 07/11/1997 theo quyết định số 939/TTg ngày 07/11/1997 của Thủ tướng Chính phủ, HĐĐ số 27/HĐ-TĐ ngày 03/11/2003
3	Xã Quỳnh Vinh, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	23.221	Bổ sung khu phụ trợ	Thuê 50 năm kể từ ngày 07/11/1997 theo quyết định số 939/TTg ngày 07/11/1997 của Thủ tướng Chính phủ, Công văn số 3498/CV-UB.ĐC ngày 09 tháng 10 năm 2001 của UBND tỉnh Nghệ An về việc gia hạn thời gian thuê đất, HĐĐ số 27/HĐ-TĐ ngày 03/11/2003
4	Xã Quỳnh Vinh, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	551.207	Khu vực khai thác đá vôi giai đoạn 1	Thuê 20 năm theo QĐ số 532/QĐ.UB ngày 07/6/2002, hợp đồng thuê đất số 32/HĐ-TĐ ngày 30/7/2002
5	Xã Quỳnh Vinh, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	82.597	Đường băng tải đá vôi	Thuê 20 năm theo QĐ số 532/QĐ.UB ngày 07/6/2002, hợp đồng thuê đất số 32/HĐ-TĐ ngày 30/7/2002
6	Xã Quỳnh Vinh, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	280.020	Khu vực khai thác sét giai đoạn 1	Thuê 20 năm theo QĐ số 532/QĐ.UB ngày 07/6/2002, hợp đồng thuê đất số 32/HĐ-TĐ ngày 30/7/2002
7	Xã Quỳnh Vinh, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	922	Tuyến đường sắt vào nhà máy	Thuê 50 năm theo QĐ số 1342/QĐ.UB ngày 12/08/2004, hợp đồng thuê đất số 02/HĐ-TĐ ngày 05/01/2005
8	Xã Quỳnh Vinh, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	29.840	Mặt bằng khu văn phòng A	Thuê 50 năm theo Quyết định 113/QĐ-TTg ngày 11/02/1999, hợp đồng thuê số 27 HĐ-TĐ ngày 03/11/2003
9	Xã Quỳnh Vinh, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	9.800	Mặt bằng khu văn phòng B	Thuê 50 năm theo Quyết định 2204/QĐ.UB ngày 26/5/1997, hợp đồng thuê số 27 HĐ-TĐ ngày 03/11/2003
10	Lô đất tại Phường Hà Huy Tập – Thành phố Vinh	1.964	Văn phòng đại diện tại Vinh	Thuê 50 năm theo Quyết định 615/QĐ.UB ngày 18/9/2001, hợp đồng thuê số 41 HĐ-TĐ ngày 29/10/2001
11	Xã Quỳnh Vinh, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	17.000	Mặt bằng khu C	Thuê đất theo công văn số 4650/CV-UB.ĐC ngày 21/12/2001 thời hạn 3 năm, chưa có hợp đồng thuê đất.
12	Xã Quỳnh Vinh, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	300.675	Mỏ sét Quỳnh Vinh	Giấy phép khai thác khoáng sản số

STT	Diễn giải	Diện tích đất (m ²)	Công trình trên đất	Hình thức sử dụng
	Lưu, tỉnh Nghệ An		giai đoạn 2	1306/QĐ.ĐCKS ngày 07/01/1998 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) Đang tiến hành làm thủ tục thuê đất 20 năm
13	TT Hoàng Mai, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	980.257	Mỏ đá vôi Hoàng Mai B giai đoạn 2	Đang thực hiện xây dựng mỏ, chưa có hồ sơ đất, đang tiến hành làm thủ tục thuê đất 20 năm
14	TT Hoàng Mai, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	40.000	Khu đất cầu Laman	Chưa có hồ sơ đất, sẽ tiến hành làm thủ tục thuê đất 50 năm
15	TT Hoàng Mai, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	40.000	Khu đất Bãi vùng	Chưa có hồ sơ đất, sẽ tiến hành làm thủ tục thuê đất 50 năm

Nguồn: Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai

14. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC TRONG NĂM TIẾP THEO

Trước tình hình khó khăn của nền kinh tế nói chung và của ngành xi măng nói riêng, Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai đã đưa ra hướng phát triển trong năm 2009 với kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2008 (Triệu đồng)	Năm 2009	
		Triệu đồng	% tăng giảm so với năm 2008
1. Doanh thu	1.174.809	1.220.136	3,86%
2. Giá vốn	779.155	903.710	15,99%
3. Lợi nhuận gộp	395.654	316.426	-20,02%
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	46.140	56.527	22,51%
5. Chi phí bán hàng	71.166	56.983	-19,93%
6. Chi phí hoạt động tài chính	132.703	119.518	-9,94%
7. Lợi nhuận trước thuế	139.542	83.398	-40,23%
8. Lợi nhuận sau thuế	139.542	72.973	-47,71%
9. Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	11,88%	6,0%	-49,49%
10. Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	19,38%	10,1%	-47,88%
11. Cổ tức	10%	10 %	0,00%

Nguồn: Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai

Ghi chú: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2009 tại Đại hội cổ đông năm 2008 đã được thay đổi bởi Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2009 số 01/2009/NQ.ĐHĐCĐ ngày 31/3/2009.

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận, cổ tức nói trên:

Để đạt được mức tăng trưởng về sản lượng sản xuất, tiêu thụ và lợi nhuận ở trên, trong những năm tới Công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác tiêu thụ tại địa bàn nhà máy, phát triển hệ

thống đại lý trên thị trường, nâng cao tỷ trọng xi măng tiêu thụ trong khối dân sinh, tăng cường mở rộng và giữ vững thị trường trong nước, đặc biệt là thị trường mục tiêu (khu vực Nghệ An và Hà Tĩnh). Nâng cao sức cạnh tranh nhằm phát huy hết năng lực của dây chuyền sản xuất để đem lại hiệu quả kinh tế cao. Tìm kiếm thị trường để xuất khẩu xi măng, coi đây là định hướng quan trọng đón đầu lợi thế khi Cảng nước sâu Nghi Sơn, Đông Hới đi vào hoạt động. Có được thị trường xuất khẩu là điều kiện khả thi để khảo sát, mở rộng công suất sản xuất của nhà máy.

Tạo điều kiện cho các cổ đông thực sự là người làm chủ doanh nghiệp, cải tiến, thiết lập phương thức quản lý tiên tiến, tạo động lực thúc đẩy Công ty sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. Kiện toàn bộ máy theo hướng tinh, gọn và chất lượng. Tăng cường bộ phận khai thác thị trường. Tìm kiếm các nguồn cung cấp nguyên vật liệu giá rẻ và ổn định.

Với mục đích đa dạng hoá ngành nghề, bố trí thêm việc làm cho người lao động, tận dụng năng lực của máy móc thiết bị khai thác mỏ hiện tại của công ty, tăng lợi nhuận cho Công ty và nâng cao thu nhập cho người lao động. Công ty sẽ triển khai thực hiện đầu tư dự án Dây chuyền sản xuất đá xây dựng có công suất 100 tấn/giờ với tổng mức đầu tư 6.685 triệu đồng với hiệu quả dự kiến khoảng 2.000 triệu đồng/năm.

15. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC

Với tư cách của một tổ chức tư vấn tài chính chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội đã tiến hành thu thập các thông tin, nghiên cứu, phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai, cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai đang hoạt động. Dựa trên sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển ổn định, tốc độ tăng trưởng bình quân trên 6,5%/năm. Kinh tế đất nước phát triển sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm tới.

Nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong những năm tới là có tính khả thi và hoàn toàn có thể thực hiện được.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA CÔNG TY

Không có.

17. CÁC THÔNG TIN TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY CÓ THỂ GÂY ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. LOẠI CHỨNG KHOÁN

Cổ phần phổ thông

2. MỆNH GIÁ

10.000 đồng/cổ phần

3. TỔNG SỐ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

72.000.000 cổ phần

4. SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HOẶC CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

4.1. Tổng số cổ phần của cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng là 0 (không) cổ phần

4.2. Tổng số cổ phần HĐQT, BKS, Ban Giám đốc, KTT bị hạn chế chuyển nhượng là: 303.900 (Ba trăm linh ba nghìn chín trăm) cổ phần.

Quy định hạn chế chuyển nhượng theo Khoản 1.đ, Điều 8, Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19/1/2007 quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán: Cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc và kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ. Như vậy số cổ phiếu mà các thành viên nêu trên sở hữu sẽ bị hạn chế chuyển nhượng. Số lượng cụ thể và thời gian hạn chế chuyển nhượng như sau:

Chức vụ	Họ tên	Số cổ phần	Hạn chế chuyển nhượng trong 06 tháng đầu kể từ ngày niêm yết	Hạn chế chuyển nhượng trong 06 tháng tiếp theo
Chủ tịch HĐQT	Tạ Quang Bửu			
Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc	Nguyễn Hữu Quang	22.400	22.400	11.200
Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	Nguyễn Công Hòa	5.000	5.000	2.500
Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	Đặng Tăng Cường	5.000	5.000	2.500
Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	Hoàng Xuân Vịnh	2.500	2.500	1.250

Ủy viên HĐQT	Phạm Hoàn Sơn	250.000	250.000	125.000
Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	Nguyễn Quốc Việt	5.200	5.200	2.600
Trưởng ban KS	Nguyễn Thị Huệ	100	100	50
Thành viên Ban KS	Nguyễn Huy Vinh	1.000	1.000	500
Thành viên Ban KS	Lê Văn Chiên	2.700	2.700	1.350
Thành viên Ban KS	Thái Huy Chương	1.300	1.300	650
Thành viên Ban KS	Nguyễn Quang Điền	8.700	8.700	4.350
Tổng cộng		303.900	303.900	151.950

5. XẾP HẠNG TÍN NHIỆM

Không có.

6. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ

- Tại thời điểm 31/12/2008, giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai đạt:

$$\text{Giá trị sổ sách một cổ phần} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu - Quỹ khen thưởng, phúc lợi}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành - Số cổ phiếu quỹ}}$$

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách một cổ phần} &= \frac{797.651.304.373}{72.000.000} \\ &= \mathbf{11.078 \text{ VND/CP}} \end{aligned}$$

- Tại thời điểm 31/3/2009, giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai đạt:

$$\text{Giá trị sổ sách một cổ phần} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu - Quỹ khen thưởng, phúc lợi}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành - Số cổ phiếu quỹ}}$$

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách một cổ phần} &= \frac{775.428.281.672 - 3.000.000.000}{72.000.000} \\ &= \mathbf{10.728 \text{ VND/CP}} \end{aligned}$$

7. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẮM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài.

Sau khi được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo các quy định hiện hành của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán, cụ thể là Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/09/2005 của Thủ tướng chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Theo đó, tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài là 49% tổng số cổ phiếu của Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

8. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 100% trong 03 (ba) năm từ năm 2006 đến hết năm 2008; từ năm 2009 đến năm 2015 Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp dựa vào Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 02.UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An cấp ngày 10/7/1998.

Từ năm 2016 trở đi công ty thực hiện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bình thường theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các loại thuế khác:

Ngoài thuế Thu nhập doanh nghiệp, Công ty phải nộp các loại thuế khác liên quan theo quy định của các luật thuế hiện hành như: Thuế GTGT; Thuế thu nhập cá nhân; Thuế tài nguyên; Thuế nhà đất và tiền thuê đất và các loại thuế khác.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI



Biên cơ hội thành giá trị

Trụ sở chính:

Địa chỉ: tầng 1&5 toà nhà Đào Duy Anh, Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (04) 35378010

Fax: (04) 35378005

Email: contact@shs.com.vn

Website: www.shs.com.vn

Chi nhánh:

Địa chỉ: 41 Pasteur, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (08) 39151368

Fax: (08) 39151369

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ

Địa chỉ: P.2003, Nhà 34T Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (04) 32210 304

Fax: (04) 32210 305

Website: www.anphugroup.com.vn

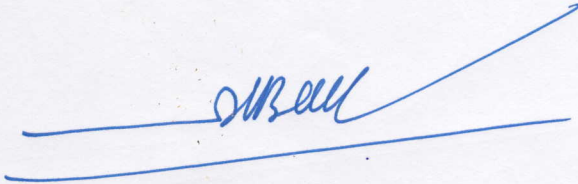
VII. PHỤ LỤC

1. PHỤ LỤC I : GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
2. PHỤ LỤC II : NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA VIỆC NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
3. PHỤ LỤC III : SƠ YẾU LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG
4. PHỤ LỤC IV : HỢP ĐỒNG NIÊM YẾT

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2009

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HOÀNG MAI**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TẠ QUANG BỬU

GIÁM ĐỐC



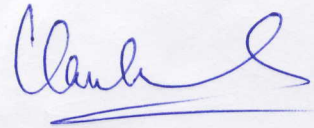
NGUYỄN HỮU QUANG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



NGUYỄN THỊ HUỆ

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN QUỐC VIỆT

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI**

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THẾ MINH